

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP.HCM  
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

---



THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

## XÂY DỰNG WEBSITE BÁN SÁCH

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: GV.Tưởng Thị Xuân Thu

SINH VIÊN THỰC HIỆN:

Đoàn Ngọc Thanh Vy – 19DH110622

Tạ Thúy Lam – 19DH110139

Cao Nhật Toàn – 19DH110703

TP.HỒ CHÍ MINH – 2022

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP.HCM  
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

## XÂY DỰNG WEBSITE BÁN SÁCH

**GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: GV.Tưởng Thị Xuân Thu**

**SINH VIÊN THỰC HIỆN:**

**Đoàn Ngọc Thanh Vy – 19DH110622**

**Tạ Thúy Lam – 19DH110139**

**Cao Nhật Toàn – 19DH110703**

**TP.HỒ CHÍ MINH – 2022**

# MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>1</b>
1.    GIỚI THIỆU .....	5
3.1.    Mục tiêu: .....	5
3.2.    Các định nghĩa và từ viết tắt: .....	8
3.3.    Tham khảo:.....	9
2.    PHÂN TÍCH YÊU CẦU .....	10
3.4.    Mô tả dự án:.....	10
3.5.    Actors và Use case.....	11
3.    YÊU CẦU CHỨC NĂNG .....	19
3.1.    UC01: Thêm sản phẩm: .....	19
3.2.    UC02: Xóa sản phẩm: .....	22
3.3.    UC03: Chính sửa sản phẩm: .....	25
3.4.    UC04: Tìm kiếm sản phẩm:.....	28
3.5.    UC05: Thêm nhà xuất bản:.....	30
3.6.    UC06: Xóa nhà xuất bản:.....	33
3.7.    UC07: Chính sửa nhà xuất bản:.....	36
3.8.    UC08: Tìm kiếm nhà xuất bản:.....	39
3.9.    UC09: Thêm chủ đề.....	41
3.10.    UC10: Xóa chủ đề: .....	44
3.11.    UC11: Chính sửa chủ đề: .....	47
3.12.    UC12: Tìm kiếm chủ đề:.....	50
3.13.    UC13: Tìm kiếm đơn hàng:.....	52
3.14.    UC14: Lọc đơn hàng theo trạng thái đơn hàng: .....	53
3.15.    UC15: Lọc đơn hàng theo ngày đặt hàng:.....	55
3.16.    UC16: Xác nhận đã chuẩn bị đơn hàng:.....	56
3.17.    UC17 Xác nhận đã giao đơn hàng:.....	58
3.18.    UC18 Xác nhận hủy đơn hàng: .....	60
3.19.    UC19: Thêm người dùng: .....	61
3.20.    UC20: Xóa người dùng: .....	63
3.21.    UC21: Chính sửa người dùng: .....	65
3.22.    UC22: Tìm kiếm người dùng:.....	68

3.23.	<i>UC23: Quản lý thống kê:</i> .....	69
3.24.	<i>UC24: Đăng ký (Khách hàng):</i> .....	70
3.25.	<i>UC25: Xem danh sách tất cả sách (Khách hàng):</i> .....	72
3.26.	<i>UC26: Xem chi tiết cuốn sách:</i> .....	73
3.27.	<i>UC27: Thêm vào giỏ hàng:</i> .....	74
3.28.	<i>UC28: Xem giỏ hàng:</i> .....	76
3.29.	<i>UC29: Cập nhật giỏ hàng:</i> .....	77
3.30.	<i>UC30: Cập nhật thông tin cá nhân:</i> .....	78
3.31.	<i>UC31: Xem lịch sử mua hàng:</i> .....	80
3.32.	<i>UC32: Xem chi tiết đơn hàng:</i> .....	81
3.33.	<i>UC33: Hủy đơn hàng:</i> .....	82
3.34.	<i>UC34: Đăng Nhập (Khách vãng lai):</i> .....	84
3.35.	<i>UC35: Hiển thị sách theo chủ đề .....</i>	85
3.36.	<i>UC36: Hiển thị sách theo nhà xuất bản.....</i>	86
3.37.	<i>UC37: Đăng Xuất.....</i>	88
3.38.	<i>UC38: Tìm kiếm sách .....</i>	89
3.39.	<i>UC39: Tra cứu đơn hàng .....</i>	90
3.40.	<i>UC40: Đặt Hàng.....</i>	91
3.41.	<i>UC41: Áp dụng mã giảm giá .....</i>	93
4.	<b>THIẾT KẾ HỆ THỐNG:.....</b>	95
3.42.	<i>Kiến trúc hệ thống:.....</i>	95
3.43.	<i>Thiết kế cơ sở dữ liệu: .....</i>	108
3.44.	<i>Trang chủ: .....</i>	115
3.45.	<i>Trang sản phẩm theo danh mục .....</i>	117
3.46.	<i>Trang chỉnh sửa thông tin cá nhân .....</i>	119
3.47.	<i>Trang hiển thị lịch sử mua hàng.....</i>	122
3.48.	<i>Trang tìm kiếm theo tên sản phẩm .....</i>	124
3.49.	<i>Trang đăng nhập dành cho admin .....</i>	126
3.50.	<i>Trang thêm sản phẩm .....</i>	129
3.51.	<i>Trang chỉnh sửa sản phẩm.....</i>	131
3.52.	<i>Trang quản lý đơn hàng.....</i>	133
3.53.	<i>Trang xem chi tiết thông tin đơn hàng.....</i>	134
3.54.	<i>Trang quản lý nhà xuất bản .....</i>	136
3.55.	<i>Trang thêm nhà xuất bản.....</i>	137
3.56.	<i>Trang chỉnh sửa nhà xuất bản.....</i>	138

3.57.	<i>Trang quản lý chủ đề</i> .....	140
3.58.	<i>Trang quản lý người dùng</i> .....	141
3.59.	<i>Trang thống kê</i> .....	143
5.	TỔNG KẾT:.....	146
3.60.	<i>Các chức năng đã hoàn thành:</i> .....	146
3.61.	<i>Các chức năng có thể phát triển:</i> .....	147
3.62.	<i>Bảng phân công:</i> .....	148

## **Danh mục hình ảnh**

Hình 1: Diagram Admin Roles.....	12
Hình 2: Diagram khách vãng lai Roles .....	13
Hình 3: Diagram khách hàng thân thiết Roles .....	14
Hình 4: Activity Diagram Thêm sản phẩm .....	21
Hình 5: Activity Diagram Xóa sản phẩm.....	24
Hình 6: Activity Diagram Chính sửa sản phẩm .....	27
Hình 7: Activity Diagram Tìm kiếm sản phẩm.....	29
Hình 8: Activity Diagram Tạo nhà xuất bản .....	32
Hình 9: Activity Diagram Xóa nhà xuất bản.....	35
Hình 10: Activity Diagram Xóa nhà xuất bản.....	38
Hình 11: Activity Diagram Tìm kiếm nhà xuất bản.....	40
Hình 12: Activity Diagram Tạo chủ đề .....	43
Hình 13: Activity Diagram Xóa chủ đề.....	46
Hình 14: Activity Diagram Chính sửa chủ đề .....	49
Hình 15: Activity Diagram Tìm kiếm chủ đề .....	51
Hình 16: Activity Diagram Tìm kiếm đơn hàng .....	53

# 1. Giới thiệu

## 3.1. Mục tiêu:

STT	Tên trang	Chức năng	Đối tượng sử dụng
1	Trang chủ (ảnh 1)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Tìm kiếm, giỏ hàng,</li><li>• Thanh điều hướng,</li><li>• Hiển thị danh sách sách mới,</li><li>• Khuyến mãi,</li><li>• Tin tức</li></ul>	Khách hàng vãng lai & KHTT
2	Tài khoản (ảnh 2)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Đơn hàng của tôi</li><li>• Danh sách yêu thích</li><li>• Theo dõi đơn hàng</li><li>• Đăng nhập</li><li>• Đăng ký</li></ul>	Khách hàng vãng lai & KHTT
3	Giỏ hàng (ảnh 3)	<ul style="list-style-type: none"><li>• Danh sách sp trong giỏ</li></ul>	Khách hàng vãng lai & KHTT

4	Chi tiết giỏ hàng (ảnh 4)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Xóa giỏ hàng</li> <li>• Hiển thị đơn giá</li> <li>• Số lượng</li> <li>• Tổng tiền</li> <li>• Nhập voucher</li> <li>• Thanh toán</li> </ul>	Khách hàng vãng lai & KHTT
5	Thanh toán (ảnh 5)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông tin giao hàng</li> <li>• Phương thức thanh toán</li> </ul>	Khách hàng TT
6	Thông tin tài khoản (ảnh 6)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài khoản của tôi</li> <li>• Đơn hàng của tôi</li> <li>• Hỏi đáp sp</li> <li>• Danh sách yêu thích</li> <li>• Theo dõi đơn hàng</li> </ul>	Khách hàng TT
7	Hiển thị sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Danh sách sản phẩm</li> <li>• Thêm vào dsyt</li> <li>• Xem nhanh</li> <li>• Sắp xếp</li> </ul>	Khách hàng vãng lai & KHTT

8	Chi tiết sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn mua</li> <li>• Số lượng còn lại</li> <li>• Mô tả sp</li> <li>• Viết đánh giá sp</li> <li>• Số lượng sp</li> <li>• Hiển thị hình ảnh sp</li> </ul>	Khách hàng vãng lai & KHTT
9	Đăng nhập	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tên tài khoản &amp; mật khẩu</li> <li>• Tạo tài khoản mới</li> <li>• Quên mật khẩu</li> </ul>	Khách hàng vãng lai & KHTT

Bảng 1: Bảng mục tiêu

### 3.2. Các định nghĩa và từ viết tắt:

## BẢNG TÓM TẮT KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Diễn giải
1	IDE	Integrated Development Environment
2	SQL	Structured English Query Language
3	CSDL	Cơ sở dữ liệu
4	DBMS	Database Management System
5	MFC	Microsoft Foundation Classes
6	UML	User Mode Linux
7	BI	Business Intelligence
8	HTML	HyperText Markup Language
9	CSS	Cascading Style Sheets
10	MD5	Message-Digest algorithm 5
11	UC	Usecase

Bảng 2: Bảng chữ viết tắt

### **3.3. Tham khảo:**

- Microsoft, Microsoft SQL documentation  
<https://docs.microsoft.com/vi-vn/sql/?view=sql-server-ver15>
- Microsoft, ASP.NET documentation  
<https://docs.microsoft.com/vi-vn/aspnet/core/?view=aspnetcore-5.0>
- Stack Exchange, stackoverflow.com  
<https://stackoverflow.com/>

## **2. Phân tích yêu cầu**

### **3.4. Mô tả dự án:**

Bán hàng trực tuyến là một hình thức kinh doanh các sản phẩm hay dịch vụ trên mạng internet. Tận dụng ưu thế của mạng internet để tạo ra quá trình mua bán trao đổi hàng hóa. Ưu điểm của bán hàng online đó chính là không cần phải phụ thuộc vào cửa hàng, mặt bằng, nhân viên.

Website bán sách online là một website được xây dựng dựa trên ý tưởng kinh doanh trực tuyến đang rất được ưa chuộng hiện nay. Mặc dù thời đại công nghệ số đang phát triển, mọi người có thể tìm thấy bất cứ cuốn sách nào một cách dễ dàng. Vì vậy website được tạo nên với mục tiêu đưa cuốn sách đến với tất cả mọi người chỉ với một cú click chuột.

- Mô tả hệ thống xây dựng:**

Hệ thống bán sách gồm có 2 website: Website khách hàng và Website quản trị.

- Website người dùng : Website khách hàng có 6 trang chính:

- + Trang chủ.
    - + Nhà xuất bản.
    - + Sách.
    - + Liên hệ.
    - + Đăng nhập.
    - + Đăng xuất.

- Chức năng:

- + Tìm kiếm, mua sách, xem các thông tin của sách.
    - + Xem thông tin website.
    - + Gửi ý kiến đến nhà sách.

Website quản trị

- Website quản trị có 3 trang chính:

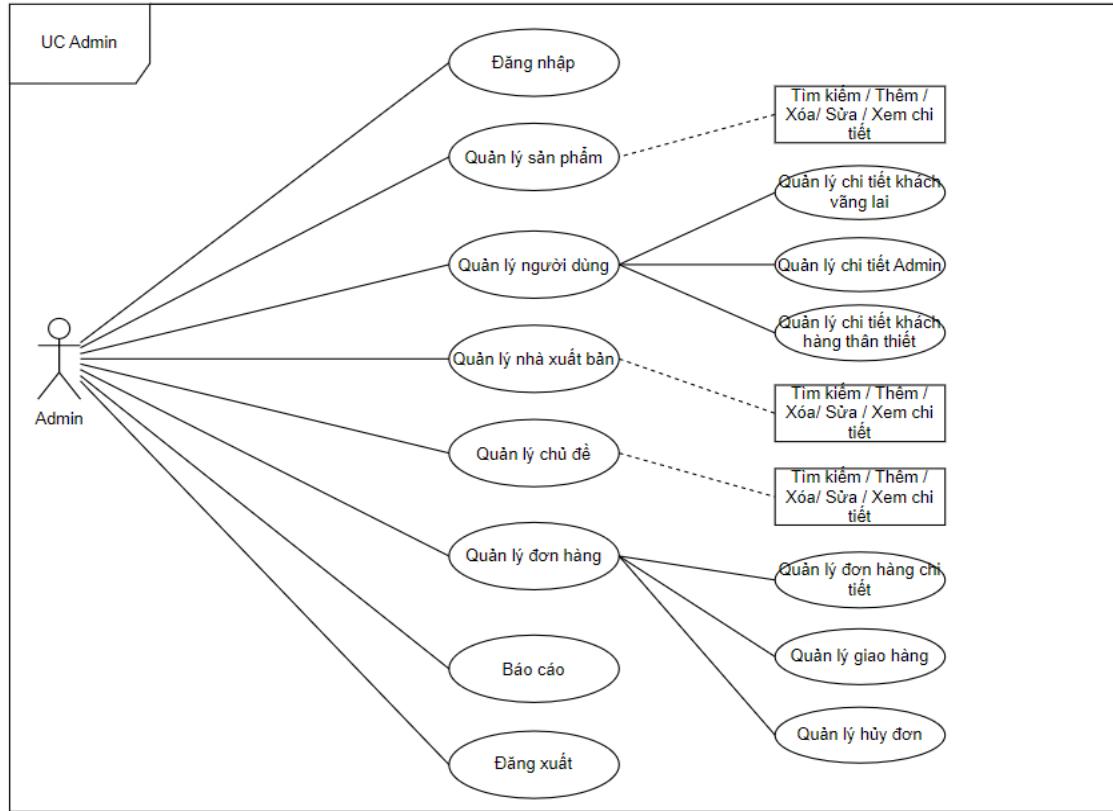
- + Quản lý sản phẩm.
- + Quản lý đơn hàng.
- + Quản lý nhà sản xuất.
- + Quản lý chủ đề.
- + Quản lý người dùng.
- + Báo cáo

- Chức năng:

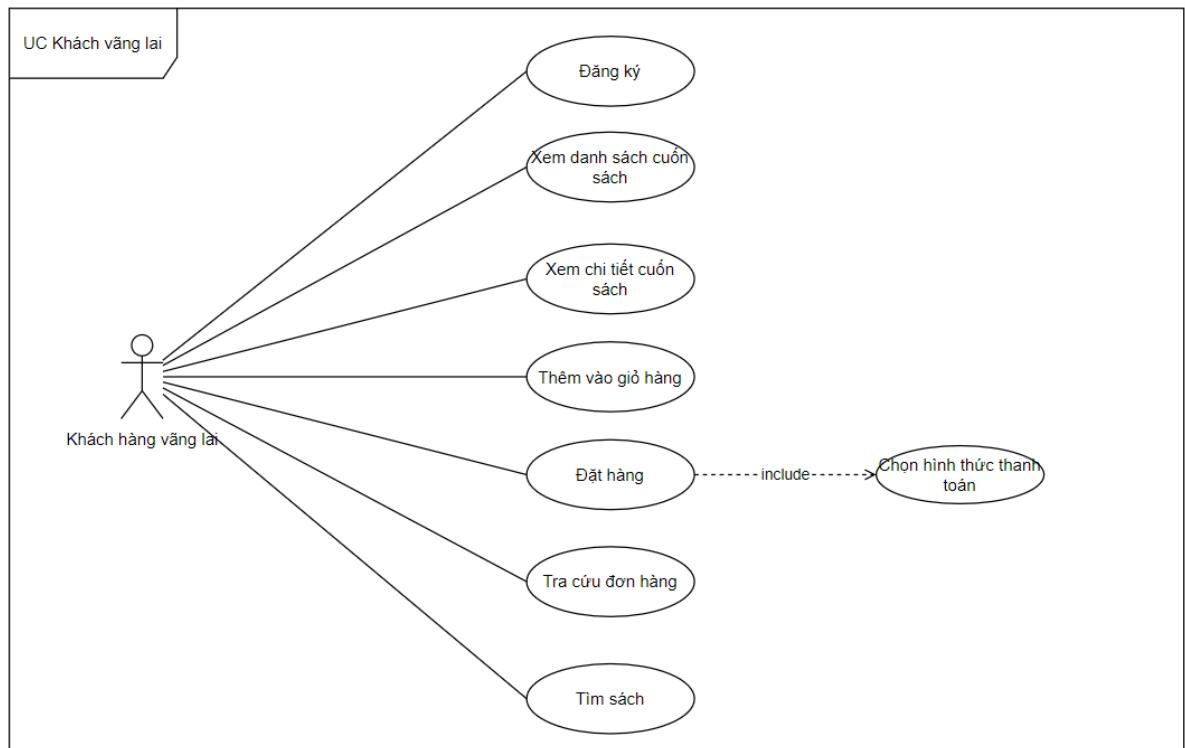
- + Đưa ra danh sách các quyền sách, tìm kiếm, thêm sách mới, cập nhật, sửa, xóa thông tin một quyền sách.
- + Đưa thông tin về những quyền sách cụ thể trong từng nhà xuất bản: sách tên, tác giả tên, nhà xuất bản, nội dung tóm tắt sách, giá bán, hình ảnh trang bìa sách...
- + Thêm nhà xuất bản mới.
- + Thêm chủ đề mới.
- + Quản lý thông tin, hồ sơ khách hàng.
- + Thống kê đơn hàng, doanh thu theo tháng.

### 3.5. Actors và Use case

#### 2.2.1. Các Use Case Diagram



Hình 1: Diagram Admin Roles



Hình 2: Diagram khách vãng lai Roles



Hình 3: Diagram khách hàng thân thiết Roles

### 2.2.2. Mô tả Actor

#	Tên Actor	Mô tả
1	<b>Admin</b>	Admin website thường được gọi là quản trị viên website. Họ có quyền cho phép điều phối và kiểm soát tất cả quy trình hoạt động của một website.
2	<b>Khách vãng lai</b>	Khách hàng vãng lai là khách hàng chưa có tài khoản nhưng vẫn có thể mua hàng.
3	<b>Khách hàng thân thiết</b>	Khách hàng thân thiết là khách hàng có tài khoản đăng nhập và sử dụng đầy đủ các tính năng của website dành cho người mua.

### 2.2.3. Mô tả Use case

#	Code	Name	Brief Description
1	<b>UC01</b>	Thêm sản phẩm	Cho phép người dùng thêm một sản phẩm vào hệ thống
2	<b>UC02</b>	Xóa sản phẩm	Cho phép người dùng xóa một sản phẩm trong hệ thống
3	<b>UC03</b>	Sửa sản phẩm	Cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin

			một sản phẩm và lưu vào hệ thống
4	<b>UC04</b>	Tìm kiếm sản phẩm	Cho phép người dùng tìm kiếm sản phẩm có trong hệ thống
5	<b>UC05</b>	Thêm nhà xuất bản	Cho phép người dùng thêm một nhà xuất bản vào hệ thống
6	<b>UC06</b>	Xóa nhà xuất bản	Cho phép người dùng xóa một nhà xuất bản vào hệ thống
7	<b>UC07</b>	Sửa nhà xuất bản	Cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin một nhà xuất bản và lưu vào hệ thống
8	<b>UC08</b>	Tìm kiếm nhà xuất bản	Cho phép người dùng tìm kiếm nhà xuất bản có trong hệ thống
9	<b>UC09</b>	Thêm nhà chủ đề	Cho phép người dùng thêm một chủ đề vào hệ thống
10	<b>UC10</b>	Xóa nhà chủ đề	Cho phép người dùng xóa một chủ đề trong hệ thống
11	<b>UC11</b>	Sửa nhà chủ đề	Cho phép người chỉnh sửa thông tin một chủ đề và lưu vào hệ thống
12	<b>UC12</b>	Tìm kiếm chủ đề	Cho phép người dùng tìm kiếm chủ đề có trong hệ thống
13	<b>UC13</b>	Tìm kiếm đơn hàng	Cho phép người dùng tìm kiếm đơn hàng

			bằng mã đơn hàng
14	<b>UC14</b>	Lọc đơn hàng theo trạng thái đơn hàng	Cho phép người dùng xem danh sách các đơn hàng được lọc theo trạng thái đơn hàng
15	<b>UC15</b>	Lọc đơn hàng theo ngày đặt	Cho phép người dùng xem danh sách các đơn hàng được lọc theo ngày đặt
16	<b>UC16</b>	Xác nhận đã chuẩn bị đơn	Cho phép người dùng xác nhận đơn hàng đã được chuẩn bị
17	<b>UC17</b>	Xác nhận đã giao đơn	Cho phép người dùng xác nhận đơn hàng đã được giao
18	<b>UC18</b>	Xác nhận hủy đơn hàng	Cho phép người dùng xác nhận đơn hàng đã được hủy
19	<b>UC19</b>	Thêm người dùng	Cho phép người dùng thêm một người dùng vào hệ thống
20	<b>UC20</b>	Xóa người dùng	Cho phép người dùng xóa một người dùng trong hệ thống
21	<b>UC21</b>	Sửa người dùng	Cho phép người chỉnh sửa thông tin một người dùng và lưu vào hệ thống
22	<b>UC22</b>	Tìm kiếm người dùng	Cho phép người dùng tìm kiếm người dùng có trong hệ thống
23	<b>UC23</b>	Quản lý thống kê	Cho phép người dùng xem thống kê đơn

			hàng và doanh thu theo khoảng thời gian.
24	<b>UC24</b>	Đăng ký (Khách hàng)	Cho phép người dùng tạo một người dùng mới vào hệ thống
25	<b>UC25</b>	Xem danh sách sản phẩm (Khách hàng)	Cho phép người dùng xem tất cả sản phẩm có trong hệ thống
26	<b>UC26</b>	Xem chi tiết cuốn sách	Cho phép người dùng xem chi tiết một cuốn sách
27	<b>UC27</b>	Thêm vào giỏ hàng	Cho phép người dùng thêm sản phẩm vào giỏ hàng
28	<b>UC28</b>	Xem giỏ hàng	Cho phép người dùng xem danh sách sản phẩm có trong giỏ hàng
29	<b>UC29</b>	Cập nhật giỏ hàng	Cho phép người dùng cập nhật số lượng sản phẩm trong giỏ hàng
30	<b>UC30</b>	Cập nhật thông tin cá nhân	Cho phép người dùng chỉnh sửa thông tin cá nhân của mình
31	<b>UC31</b>	Xem lịch sử mua hàng	Cho phép người dùng xem lịch sử mua hàng của mình
32	<b>UC32</b>	Xem chi tiết đơn hàng	Cho phép người dùng xem chi tiết đơn hàng
33	<b>UC33</b>	Hủy đơn	Cho phép người dùng hủy đơn hàng.

<b>34</b>	<b>UC34</b>	Đăng nhập (Khách hàng)	Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống với vai trò là người mua
<b>35</b>	<b>UC35</b>	Hiển thị sách theo chủ đề	Cho phép người dùng lọc sách theo chủ đề
<b>36</b>	<b>UC36</b>	Hiển thị sách theo nhà xuất bản	Cho phép người dùng lọc sách theo nhà xuất bản
<b>37</b>	<b>UC37</b>	Đăng xuất	Cho phép người dùng đăng xuất khỏi hệ thống
<b>38</b>	<b>UC38</b>	Tìm kiếm cuốn sách	Cho phép người dùng tìm cuốn sách mong muốn
<b>39</b>	<b>UC39</b>	Tra cứu đơn hàng	Cho phép người dùng tra cứu đơn hàng bằng mã đơn hàng hoặc số điện thoại
<b>40</b>	<b>UC40</b>	Đặt hàng	Cho phép người dùng xác nhận đặt đơn hàng
<b>41</b>	<b>UC41</b>	Áp dụng voucher	Cho phép người dùng áp dụng voucher vào đơn hàng.

Bảng 3: Bảng mô tả Usecase

### 3. Yêu cầu chức năng

#### 3.1. UC01: Thêm sản phẩm:

##### Usecase Description

Name	Thêm sản phẩm	Code	UC01
Description	Người dùng muốn tạo sản phẩm mới vào hệ thống.		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn nút thêm sản phẩm.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Thông báo		

##### Activities

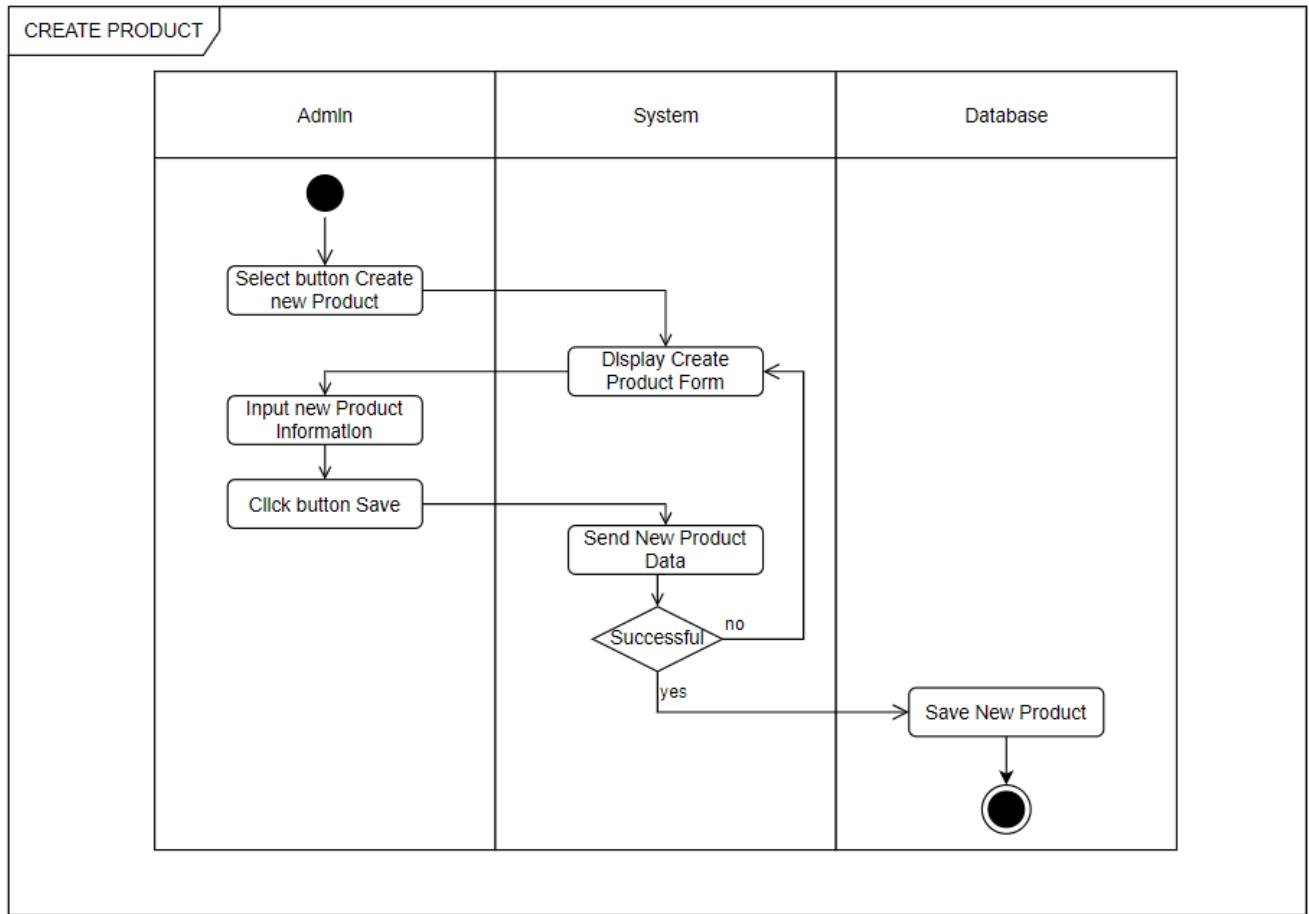
Actor		System	
Main Flow:		Thêm sản phẩm	
1	Chọn nút thêm sản phẩm		
		2	Hiển thị form thêm sản phẩm
3	Nhập thông tin sản phẩm.		

<b>4</b>	<b>Nhấn xác nhận.</b>		
		<b>5</b>	<b>Kiểm tra thông tin và thêm dữ liệu vào bảng sản phẩm.</b>
		<b>6</b>	<b>Thông báo.</b>

### Message

<b>S01</b>	“Thêm thành công” Message thông báo thêm thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
<b>S03</b>	“Thêm thất bại” Message thông báo khi thêm thất bại.

### Activity Diagram



Hình 4: Activity Diagram Thêm sản phẩm

### 3.2. UC02: Xóa sản phẩm:

#### Usecase Description

Name	Xóa sản phẩm	Code	UC02
Description	Người dùng muốn xóa một sản phẩm khỏi hệ thống.		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn tác vụ xóa từ một sản phẩm.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

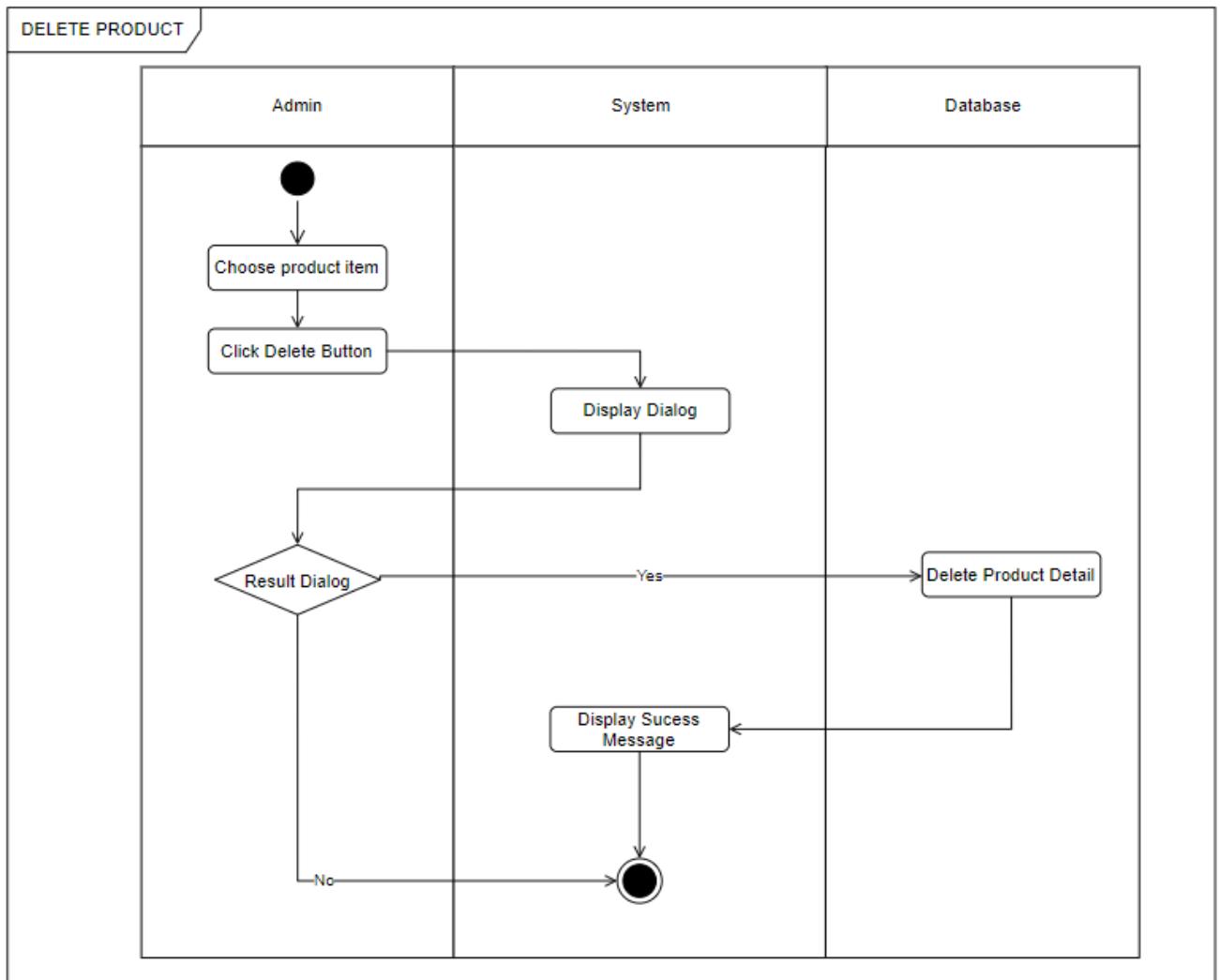
Actor		System	
Main Flow:		Xóa sản phẩm	
1	Chọn danh mục quản lý sản phẩm		
		2	Hiển thị trang danh sách sản phẩm
3	Chọn nút xóa.		
		4	Hiển thị hộp thoại xác nhận

<b>5</b>	<b>Nhấn xác nhận xóa trong hộp thoại.</b>		
		<b>6</b>	<b>Xóa sản phẩm khỏi bảng Sản phẩm trong CSDL.</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo.</b>
<b>8</b>	<b>Nhấn hủy xóa trong hộp thoại</b>		
		<b>9</b>	<b>Quay lại trang quản lý sản phẩm</b>

### **Message**

<b>S01</b>	“Xóa thành công” Message thông báo xóa thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server

### **Activity Diagram**



Hình 5: Activity Diagram Xóa sản phẩm

### 3.3. UC03: Chính sửa sản phẩm:

#### UseCase Description

Name	Chỉnh sửa sản phẩm.	Code	UC03
Description	Người dùng muốn chỉnh sửa thông tin sản phẩm		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng chọn sản phẩm và nhấn tác vụ chỉnh sửa.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

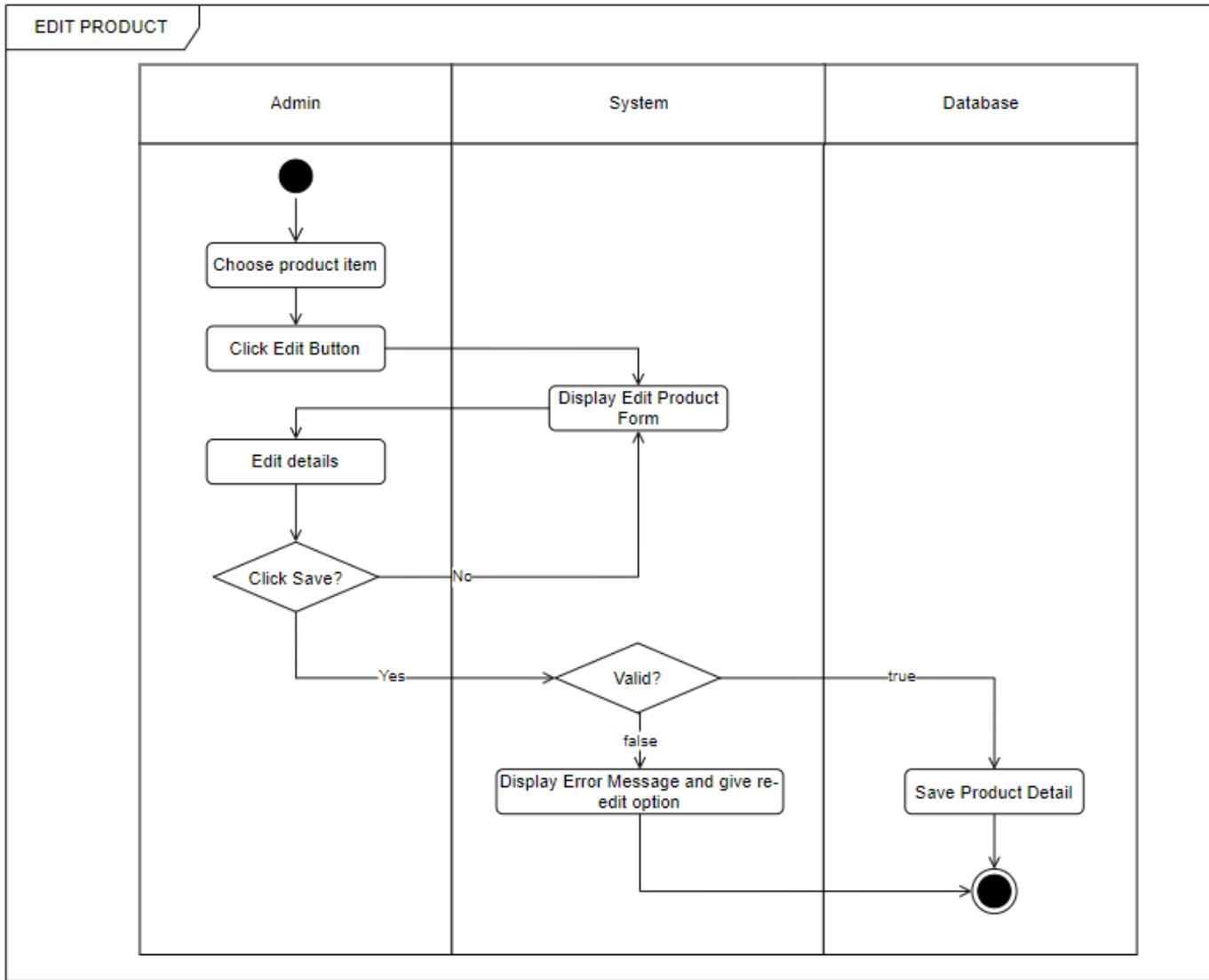
Actor		System	
Main Flow:		Chỉnh sửa sản phẩm	
1	Chọn danh mục quản lý sản phẩm		
		2	Hiện thị trang danh sách sản phẩm
3	Chọn sản phẩm cần chỉnh sửa.		

4	Nhập thông tin cần chỉnh sửa		
5	Nhấn nút lưu		
		6	Kiểm tra thông tin và cập nhật dữ liệu.
		7	Thông báo sửa thành công.

### Message

S01	“Sửa thành công” Message thông báo khi sửa thành công
S02	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
S03	“Thông báo sửa thất bại” Message thông báo khi sửa thất bại.

### Activity Diagram



Hình 6: Activity Diagram Chính sửa sản phẩm

### 3.4. UC04: Tìm kiếm sản phẩm:

#### Usecase Description

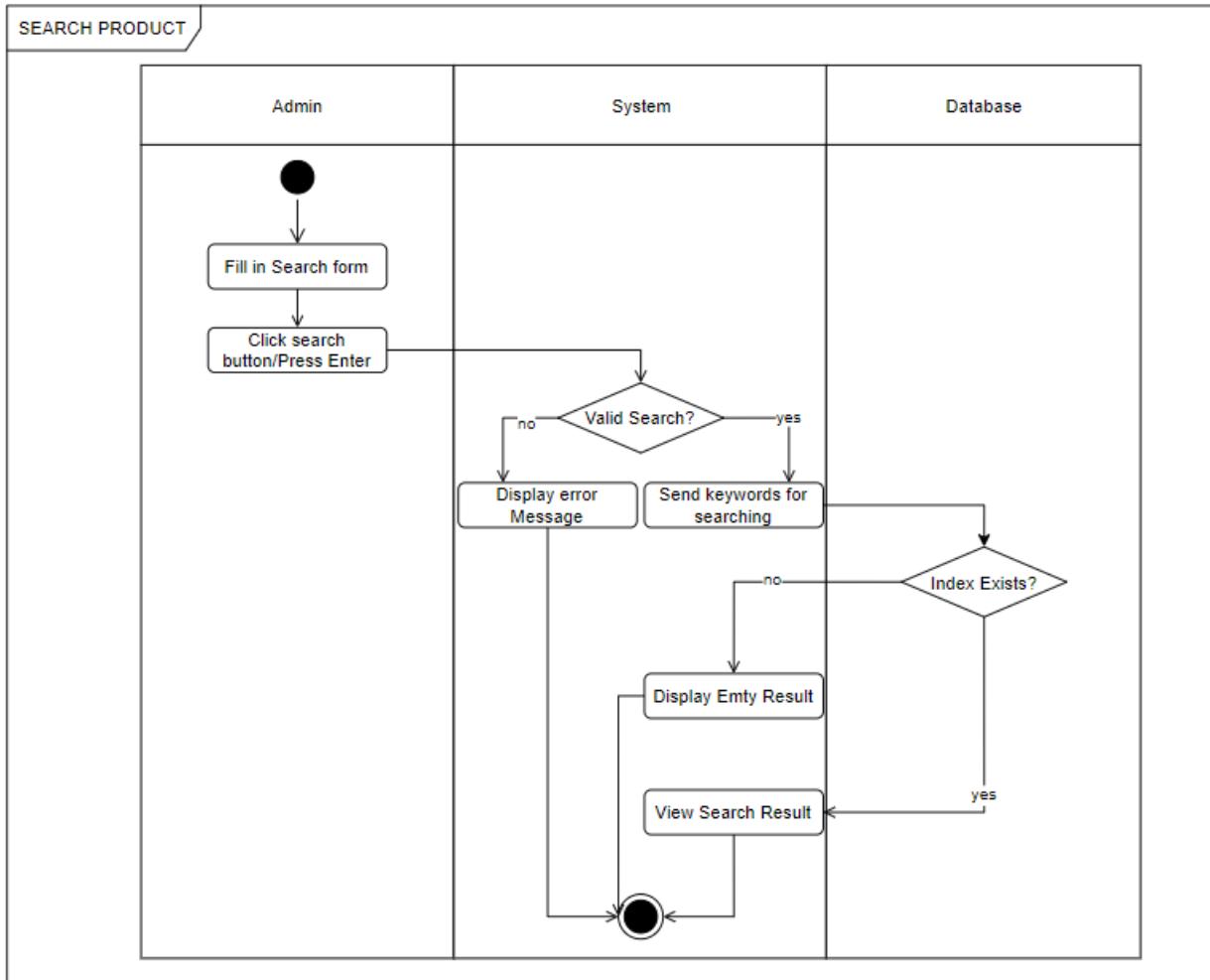
Name	Tìm kiếm sản phẩm	Code	UC04
Description	Người dùng muốn tìm kiếm sản phẩm.		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhập tên sản phẩm vào khung search và chọn tìm kiếm.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Hiển thị danh sách kết quả		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Tìm kiếm sản phẩm	
1	Nhập tên sách vào khung tìm		
2	Nhấn nút tìm		
		3	Truy xuất CSDL
		4	Hiển thị danh sách kết quả tìm

kiếm.

## Activity Diagram



Hình 7: Activity Diagram Tìm kiếm sản phẩm

### 3.5. UC05: Thêm nhà xuất bản:

#### Usecase Description

Name	Thêm nhà xuất bản		Code	UC05		
Description	Người dùng muốn tạo nhà xuất bản mới vào hệ thống.					
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn nút thêm nhà xuất bản.			
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.					
Post condition	Thông báo					

#### Activities

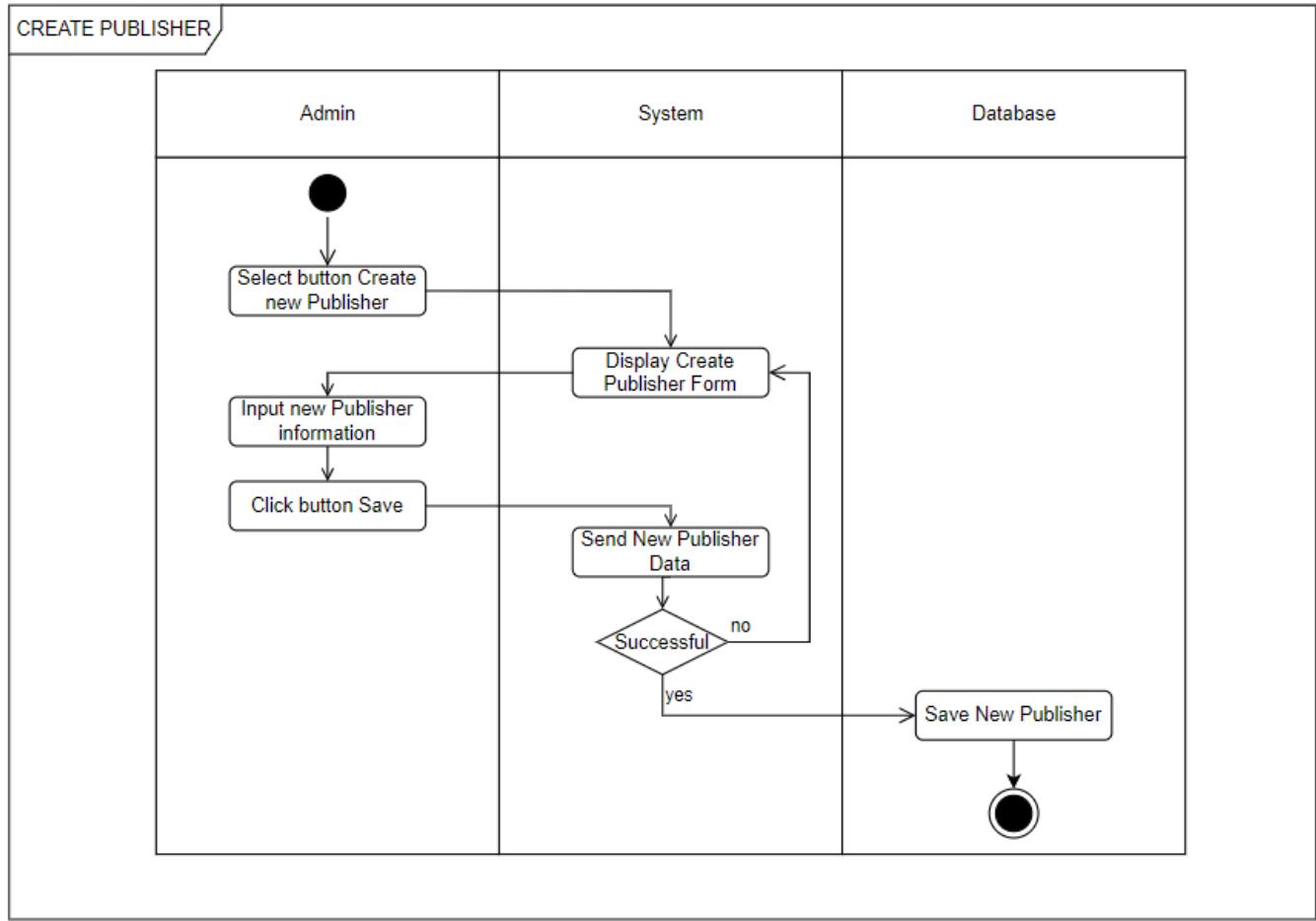
Actor		System	
Main Flow:		Thêm nhà xuất bản	
1	Chọn nút thêm nhà xuất bản		
		2	Hiện thị form thêm nhà xuất bản
3	Nhập thông tin nhà xuất bản.		
4	Nhấn xác nhận.		

		<b>5</b>	<b>Kiểm tra thông tin và thêm dữ liệu vào bảng nhà xuất bản.</b>
		<b>6</b>	<b>Thông báo</b>

### Message

S01	“Thêm thành công” Message thông báo thêm thành công
S02	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
S03	“Thêm thất bại” Message thông báo khi thêm thất bại

### Activity Diagram



Hình 8: Activity Diagram Tạo nhà xuất bản

### 3.6. UC06: Xóa nhà xuất bản:

#### Usecase Description

Name	Xóa nhà xuất bản	Code	UC06
Description	Người dùng muốn xóa một nhà xuất bản khỏi hệ thống.		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn tác vụ xóa từ một sản phẩm.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

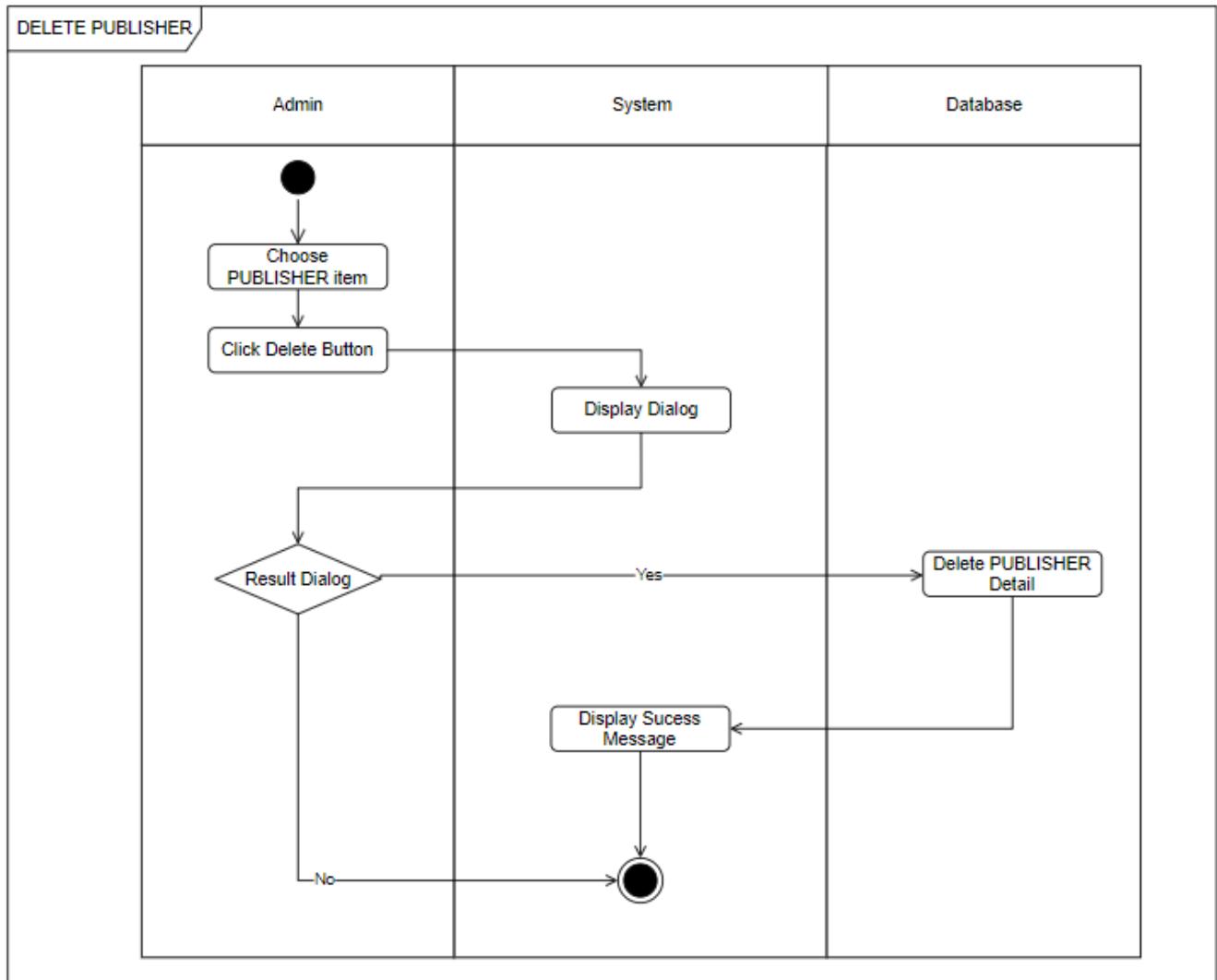
Actor		System	
Main Flow:		Xóa nhà xuất bản	
1	Chọn danh mục quản lý nhà xuất bản		
		2	Hiển thị trang danh sách nhà xuất bản
3	Chọn nút xóa.		
		4	Hiển thị hộp thoại xác nhận

<b>5</b>	<b>Nhấn xác nhận xóa trong hộp thoại.</b>		
		<b>6</b>	<b>Xóa nhà xuất bản khỏi bảng nhà xuất bản trong CSDL.</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo.</b>
<b>8</b>	<b>Nhấn hủy xóa trong hộp thoại</b>		
		<b>9</b>	<b>Quay lại trang quản lý nhà xuất bản</b>

### **Message**

<b>S01</b>	“Xóa thành công” Message thông báo xóa thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server

### **Activity Diagram**



Hình 9: Activity Diagram Xóa nhà xuất bản

### 3.7. UC07: Chính sửa nhà xuất bản:

#### Usecase Description

Name	Chỉnh sửa nhà xuất bản	Code	UC07
Description	Người dùng muốn chỉnh sửa thông tin nhà xuất bản		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng chọn nhà xuất bản và nhấn tác vụ chỉnh sửa.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

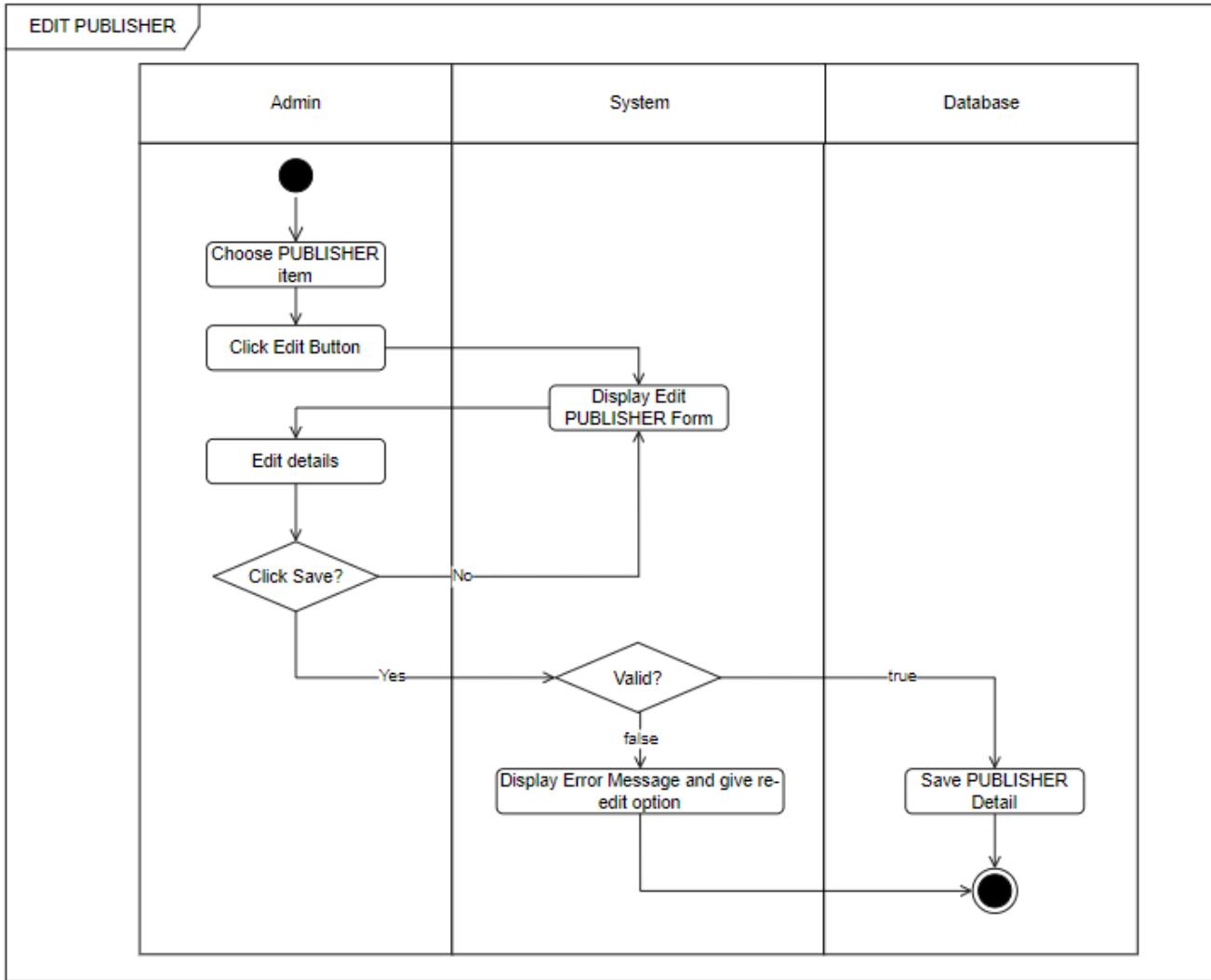
Actor		System	
Main Flow:		Chỉnh sửa nhà xuất bản	
1	Chọn danh mục nhà xuất bản		
		2	Hiện thị trang danh sách nhà xuất bản
3	Chọn nhà xuất bản cần chỉnh sửa.		

<b>4</b>	<b>Nhập thông tin cần chỉnh sửa</b>		
<b>5</b>	<b>Nhấn nút lưu</b>		
		<b>6</b>	<b>Kiểm tra thông tin và cập nhật dữ liệu</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo sửa thành công.</b>

### Message

<b>S01</b>	“Sửa thành công” Message thông báo khi sửa thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
<b>S03</b>	“Thông báo sửa thất bại” Message thông báo khi sửa thất bại.

### Activity Diagram



Hình 10: Activity Diagram Xóa nhà xuất bản

### 3.8. UC08: Tìm kiếm nhà xuất bản:

#### Usecase Description

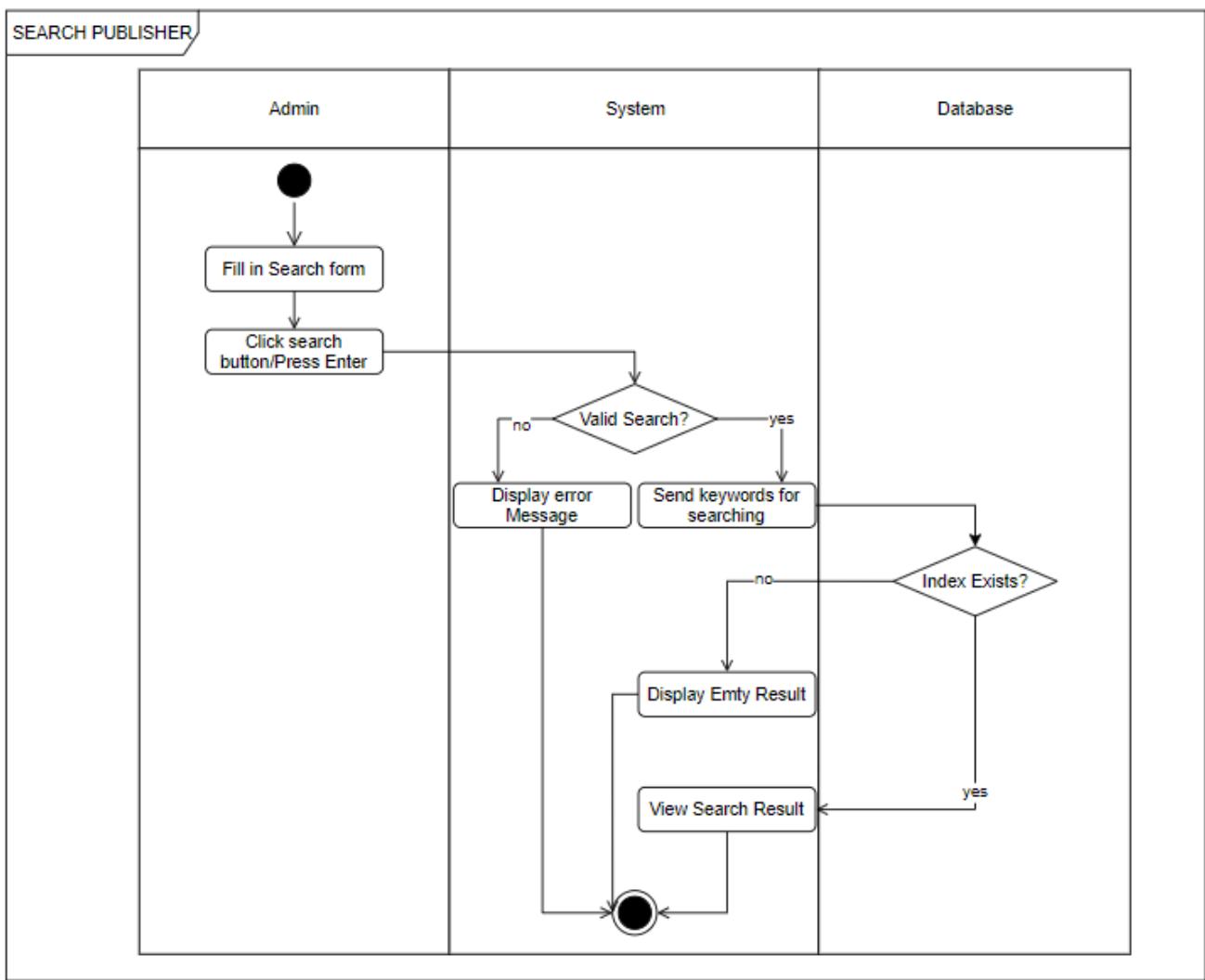
Name	Tìm kiếm nhà xuất bản	Code	UC08
Description	Người dùng muốn tìm kiếm nhà xuất bản.		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhập tên nhà xuất bản vào khung search và chọn tìm kiếm.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin		
Post condition	Hiển thị danh sách kết quả		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Tìm kiếm nhà xuất bản	
1	Nhập tên nhà xuất bản vào khung tìm		
2	Nhấn nút tìm		
		3	Truy xuất CSDL

		4	Hiển thị danh sách kết quả tìm kiếm.
--	--	---	--------------------------------------

## Activity Diagram



Hình 11: Activity Diagram Tìm kiếm nhà xuất bản

### 3.9. UC09: Thêm chủ đề

#### Usecase Description

Name	Thêm chủ đề	Code	UC09
Description	Người dùng muốn tạo chủ đề mới vào hệ thống.		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn nút thêm chủ đề
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

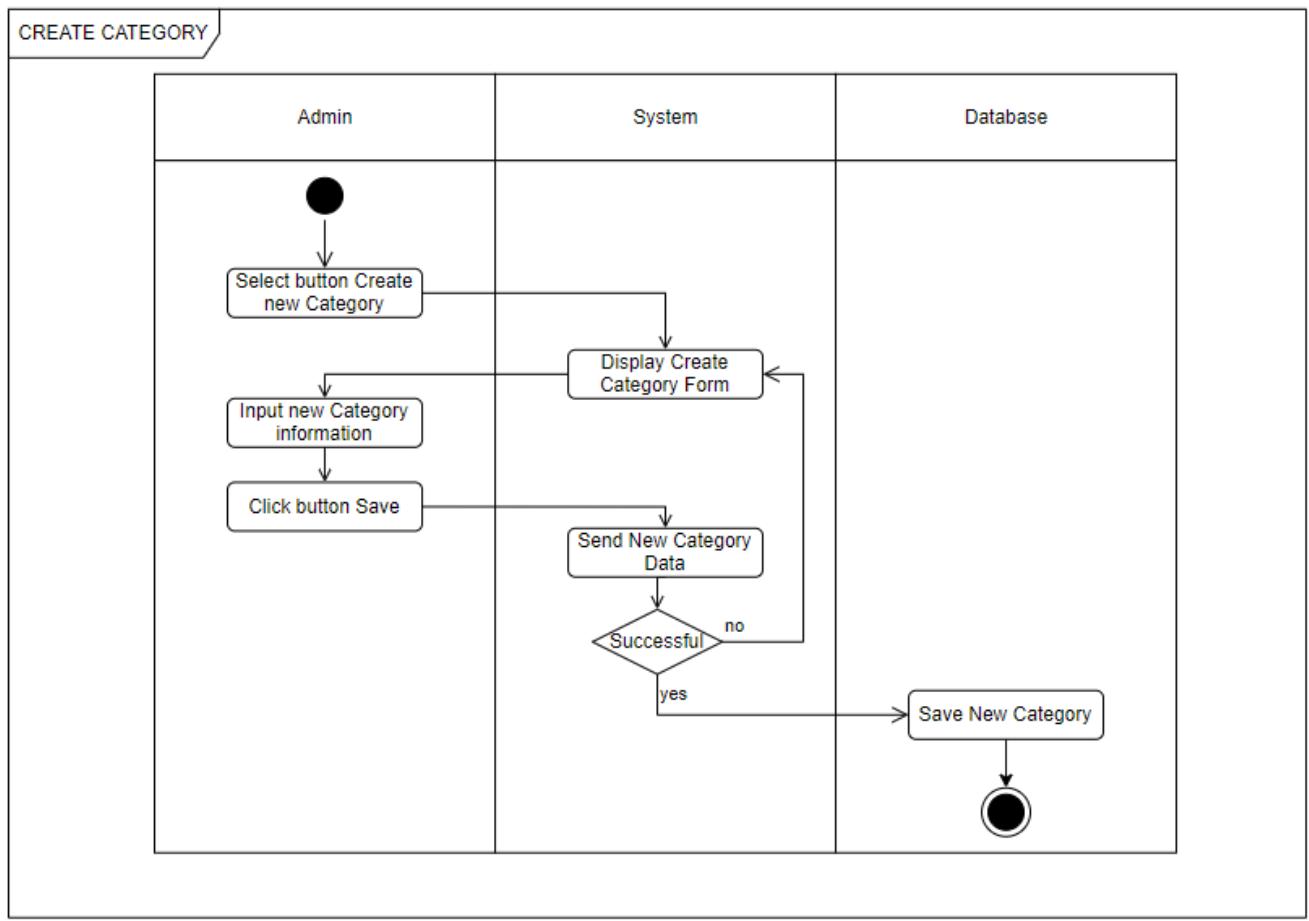
Actor		System	
Main Flow:		Thêm chủ đề	
1	Chọn nút thêm chủ đề		
		2	Hiện thị form thêm chủ đề
3	Nhập thông tin chủ đề		
4	Nhấn xác nhận.		
		5	Kiểm tra thông tin và thêm dữ liệu

			vào bảng chủ đề.
		6	Thông báo.

## Message

<b>MS01</b>	“Thêm thành công”  Message thông báo thêm thành công
<b>MS02</b>	“ERROR 404”  Message thông báo khi không kết nối được server
<b>MS03</b>	“Thêm thất bại”  Message thông báo khi thêm thất bại.

## Activity Diagram



Hình 12: Activity Diagram Tạo chủ đề

### 3.10. UC10: Xóa chủ đề:

#### Usecase Description

Name	Xóa chủ đề	Code	UC10
Description	Người dùng muốn xóa một chủ đề khỏi hệ thống.		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn tác vụ xóa từ một chủ đề.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

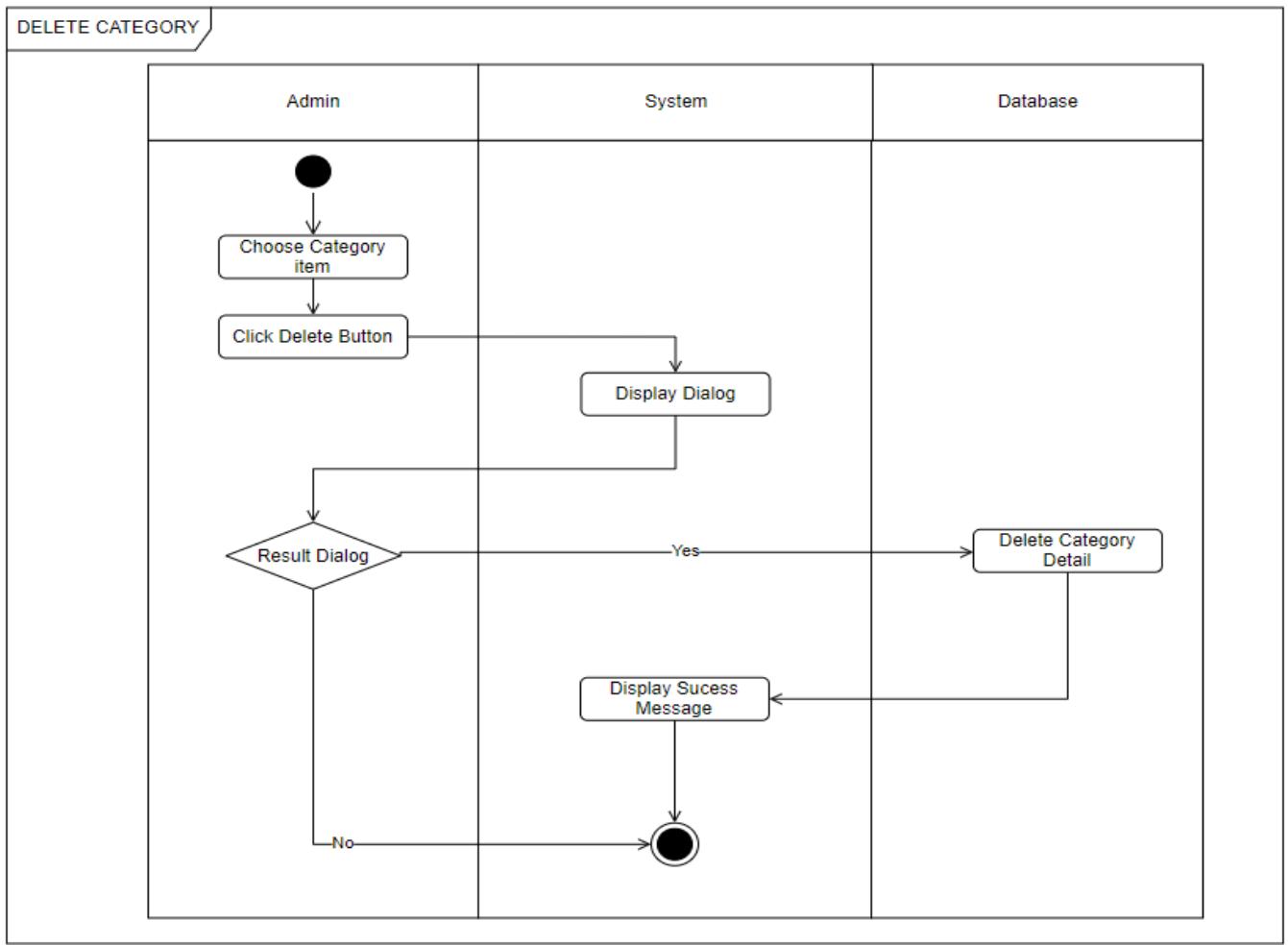
Actor		System	
Main Flow:		Xóa chủ đề	
1	Chọn danh mục quản lý chủ đề		
		2	Hiện thị trang danh sách chủ đề
3	Chọn nút xóa.		
		4	Hiển thị hộp thoại xác nhận

<b>5</b>	<b>Nhấn xác nhận xóa trong hộp thoại.</b>		
		<b>6</b>	<b>Xóa chủ đề khỏi bảng chủ đề trong CSDL.</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo.</b>
<b>8</b>	<b>Nhấn hủy xóa trong hộp thoại</b>		
		<b>9</b>	<b>Quay lại trang quản lý chủ đề</b>

### Message

<b>S01</b>	“Xóa thành công” Message thông báo xóa thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server

### Activity Diagram



Hình 13: Activity Diagram Xóa chủ đề

### 3.11. UC11: Chính sửa chủ đề:

#### Usecase Description

Name	Chỉnh sửa chủ đề	Code	UC11
Description	Người dùng muốn chỉnh sửa thông tin chủ đề		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng chọn chủ đề và nhấn tác vụ chỉnh sửa.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

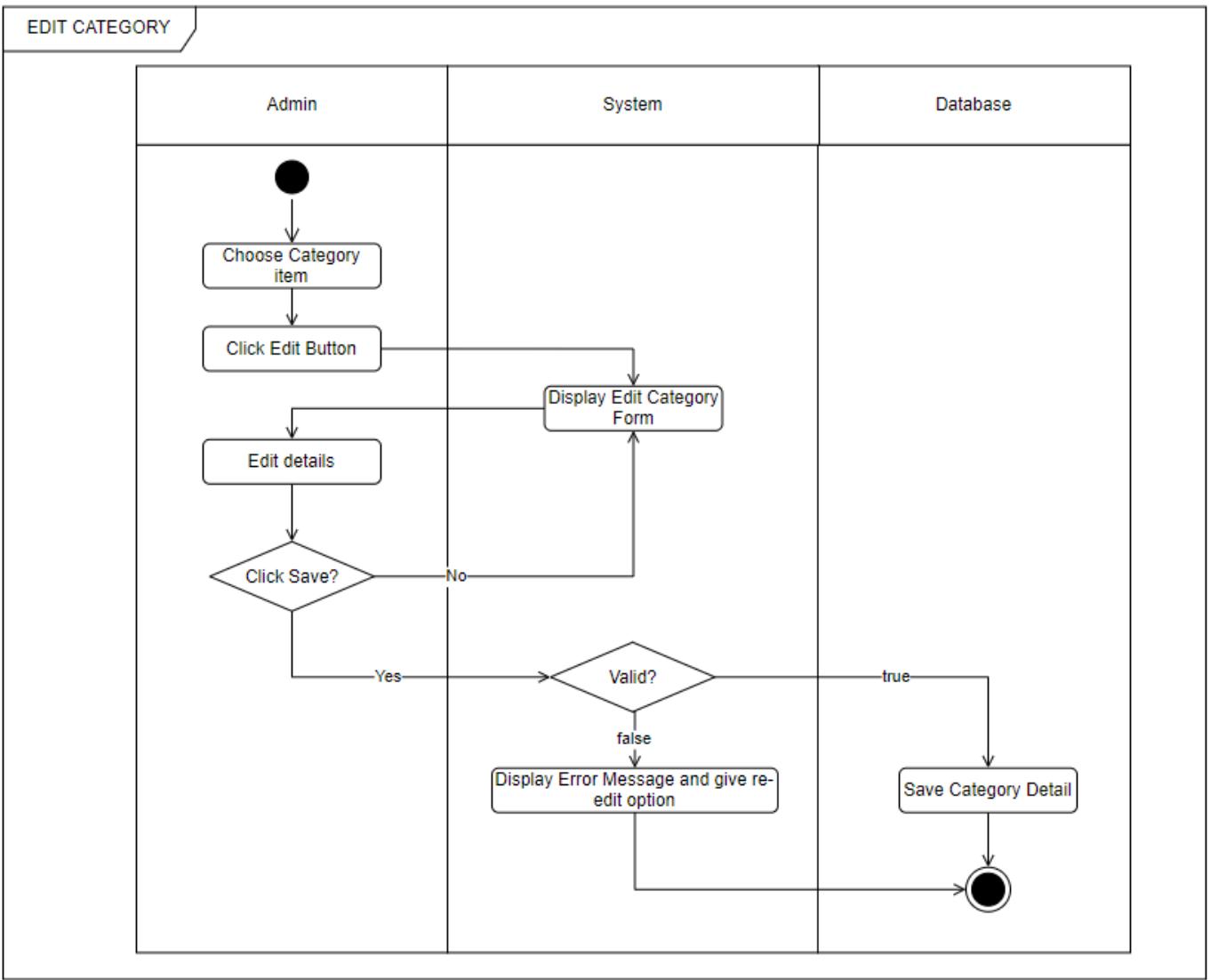
Actor		System	
Main Flow:		Chỉnh sửa chủ đề	
1	Chọn danh mục chủ đề		
		2	Hiện thị trang danh sách chủ đề
3	Chọn chủ đề cần chỉnh sửa.		
4	Nhập thông tin cần chỉnh sửa		

<b>5</b>	<b>Nhấn nút lưu</b>		
		<b>6</b>	<b>Kiểm tra thông tin và cập nhật dữ liệu.</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo sửa thành công.</b>

### Message

<b>S01</b>	“Sửa thành công” Message thông báo khi sửa thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
<b>S03</b>	“Thông báo sửa thất bại” Message thông báo khi sửa thất bại.

### Activity Diagram



Hình 14: Activity Diagram Chính sửa chủ đề

### 3.12. UC12: Tìm kiếm chủ đề:

#### Usecase Description

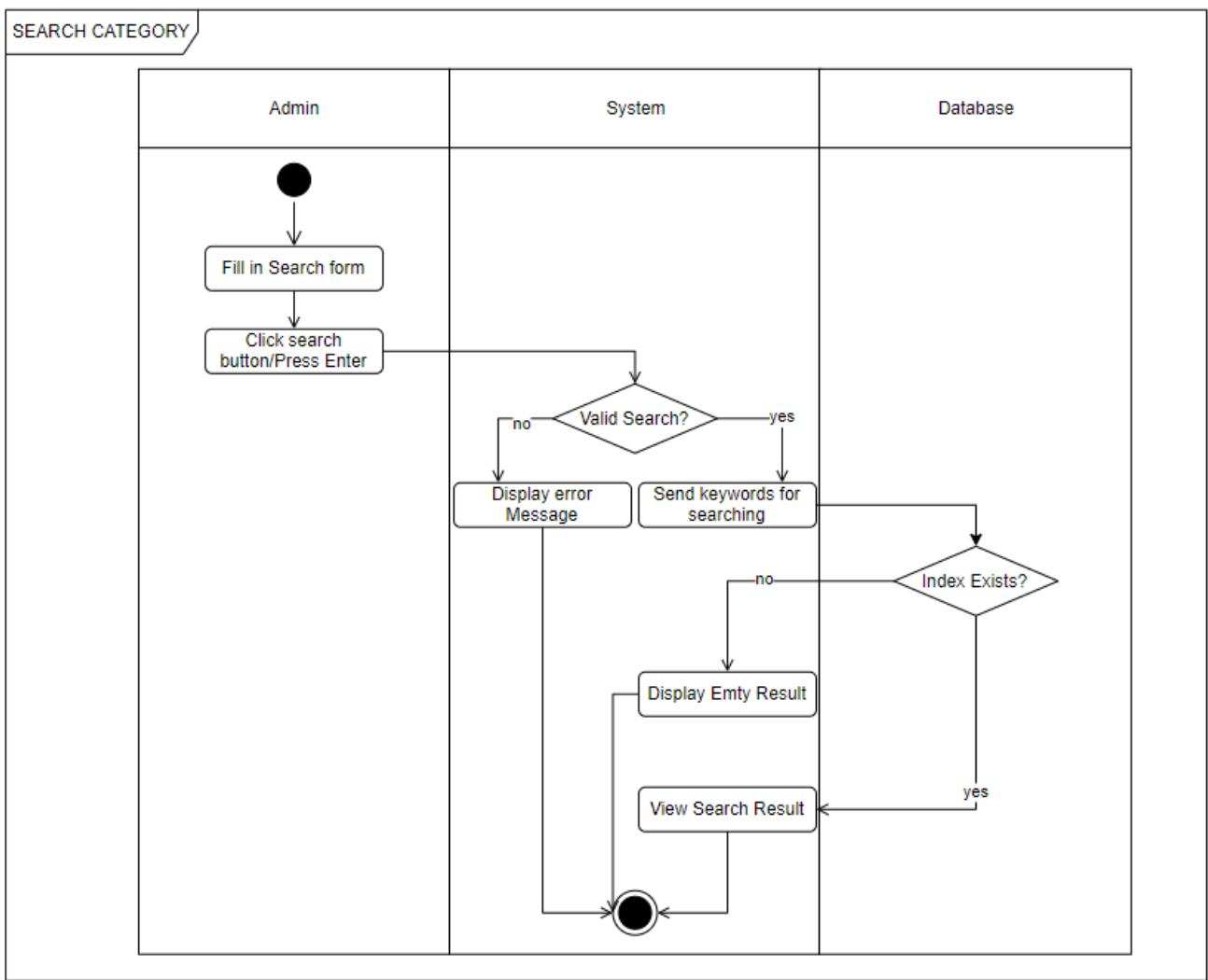
Name	Tìm kiếm chủ đề	Code	UC12
Description	Người dùng muốn tìm kiếm chủ đề		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhập tên chủ đề vào khung search và chọn tìm kiếm.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Hiển thị danh sách kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Tìm kiếm chủ đề	
1	Nhập tên chủ đề vào khung tìm		
2	Nhấn nút tìm		
		3	Truy xuất CSDL
		4	Hiển thị danh sách kết quả tìm

kiếm.

## Activity Diagram



Hình 15: Activity Diagram Tìm kiếm chủ đề

### 3.13. UC13: Tìm kiếm đơn hàng:

#### UseCase Description

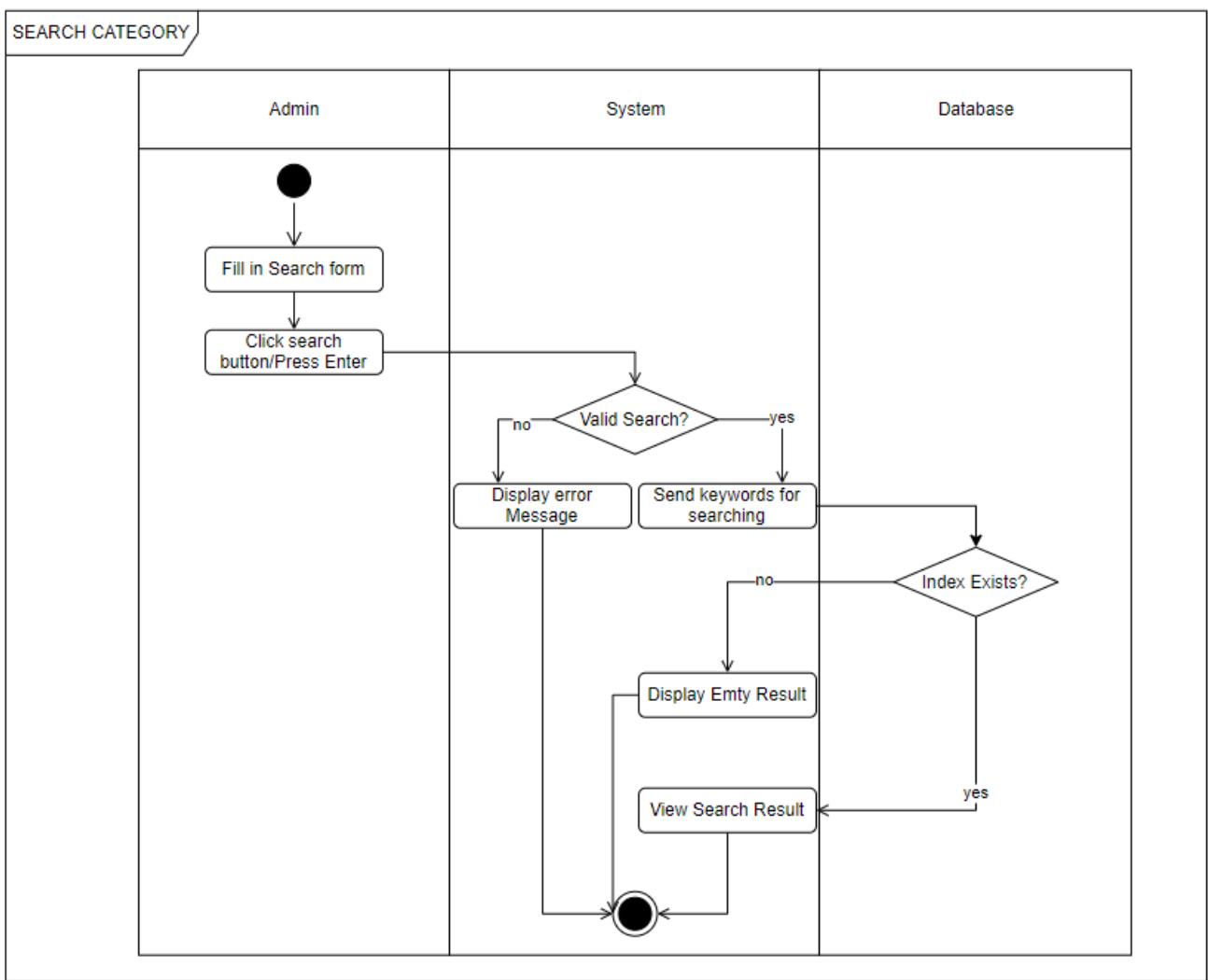
Name	Tìm kiếm đơn hàng		Code	UC13		
Description	Người dùng muốn tìm kiếm đơn hàng					
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhập mã đơn hàng vào khung search và chọn tìm kiếm.			
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.					
Post condition	Hiển thị danh sách kết quả.					

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Tìm kiếm đơn hàng	
1	Nhập mã đơn hàng vào khung tìm		
2	Nhấn nút tìm		
		3	Truy xuất CSDL

		4	Hiển thị danh sách kết quả tìm kiếm.
--	--	---	--------------------------------------

## Activity Diagram



Hình 16: Activity Diagram Tìm kiếm đơn hàng

### 3.14. UC14: Lọc đơn hàng theo trạng thái đơn hàng:

#### Usecase Description

Name	<b>Lọc đơn hàng theo trạng thái đơn hàng</b>		Code	UC14
Description	<b>Người dùng muốn xem các đơn hàng theo tình trạng đơn</b>			
Actor	Admin		Trigger	<b>Người dùng chọn danh mục trạng thái đơn hàng.</b>
Precondition	<b>Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.</b>			
Post condition	<b>Hiển thị danh sách kết quả.</b>			

### Activities

Actor		System	
Main Flow:		<b>Lọc đơn hàng theo trạng thái đơn hàng</b>	
1	<b>Chọn danh mục quản lý đơn hàng</b>		
2	<b>Chọn danh mục trạng thái đơn hàng muốn xem</b>		
		3	<b>Truy xuất CSDL</b>
		4	<b>Hiển thị danh sách kết quả tìm kiếm.</b>

		4	Hiển thị danh sách kết quả tìm kiếm.
--	--	---	--------------------------------------

### 3.15. UC15: Lọc đơn hàng theo ngày đặt hàng:

#### Usecase Description

Name	Lọc đơn hàng theo ngày đặt hàng	Code	UC15
Description	Người dùng muốn xem các đơn hàng trong một khoảng thời gian		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng chọn nút lọc.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Hiển thị danh sách kết quả		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Lọc đơn hàng theo ngày đặt hàng	
1	Nhập ngày bắt đầu và ngày kết thúc		
2	Chọn nút lọc		

		3	Truy xuất CSDL
		4	Hiển thị danh sách kết quả tìm kiếm.

### 3.16. UC16: Xác nhận đã chuẩn bị đơn hàng:

#### Usecase Description

Name	Xác nhận đã chuẩn bị đơn hàng	Code	UC16
Description	Người dùng muốn xác nhận đơn hàng đã chuẩn bị xong		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn nút chuẩn bị xong từ một đơn hàng chi tiết.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin, trạng thái đơn hàng là đang soạn đơn.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

Actor	System
Main Flow:	Xác nhận đã chuẩn bị đơn hàng

<b>1</b>	<b>Chọn danh mục quản lý đơn hàng</b>		
		<b>2</b>	<b>Hiển thị trang danh sách đơn hàng</b>
<b>3</b>	<b>Chọn đơn hàng cần xác nhận</b>		
		<b>4</b>	<b>Hiển thị form chi tiết đơn hàng</b>
<b>5</b>	<b>Nhấn nút hoàn thành chuẩn bị</b>		
		<b>6</b>	<b>Cập nhật CSDL trạng thái đơn hàng trong bảng đơn hàng.</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo</b>

### Message

<b>S01</b>	“Cập nhật thành công”  Message thông báo cập nhật thành công
<b>S02</b>	“Cập nhật thất bại”  Message thông báo cập nhật thất bại

### 3.17. UC17 Xác nhận đã giao đơn hàng:

#### Usecase Description

Name	Xác nhận đã giao đơn hàng	Code	UC17
Description	Người dùng muốn xác nhận đơn hàng đã giao		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn nút hoàn thành từ một đơn hàng chi tiết.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin, trạng thái đơn hàng là đang giao.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Xác nhận đã giao đơn hàng	
1	Chọn danh mục quản lý đơn hàng		
		2	Hiển thị trang danh sách đơn hàng
3	Chọn đơn hàng cần xác nhận.		

		<b>4</b>	<b>Hiển thị form chi tiết đơn hàng</b>
<b>5</b>	<b>Nhấn nút hoàn thành giao hàng.</b>		
		<b>6</b>	<b>Cập nhật CSDL trạng thái đơn hàng trong bảng đơn hàng.</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo</b>

### **Message**

<b>S01</b>	“Cập nhật thành công” Message thông báo cập nhật thành công
<b>S02</b>	“Cập nhật thất bại” Message thông báo cập nhật thất bại

### 3.18. UC18 Xác nhận hủy đơn hàng:

#### Usecase Description

Name	Xác nhận hủy đơn hàng	Code	UC18
Description	<b>Người dùng muốn xác nhận hủy đơn hàng</b>		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhấn nút xác nhận hủy đơn từ một đơn hàng chi tiết.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin, trạng thái đơn hàng là đang chuẩn bị.		
Post condition	<b>Thông báo</b>		

#### Activities

Actor		System	
<b>Main Flow:</b>		<b>Xác nhận hủy đơn hàng</b>	
1	<b>Chọn danh mục quản lý đơn hàng</b>		
		2	<b>Hiển thị trang danh sách đơn hàng</b>
3	<b>Chọn đơn hàng cần xác nhận.</b>		

		<b>4</b>	<b>Hiển thị form chi tiết đơn hàng</b>
<b>5</b>	<b>Nhấn nút xác nhận hủy</b>		
		<b>6</b>	<b>Cập nhật CSDL trạng thái đơn hàng trong bảng đơn hàng.</b>
		<b>7</b>	<b>Thông báo</b>

### **Message**

<b>S01</b>	“Cập nhật thành công” Message thông báo cập nhật thành công
<b>S02</b>	“Cập nhật thất bại” Message thông báo cập nhật thất bại
<b>S03</b>	“Thông báo sửa thất bại” Message thông báo khi sửa thất bại

### **3.19. UC19: Thêm người dùng:**

#### **UseCase Description**

<b>Name</b>	<b>Thêm người dùng</b>	<b>Code</b>	<b>UC19</b>
-------------	------------------------	-------------	-------------

<b>Description</b>	Người dùng muốn tạo tài khoản mới vào hệ thống.		
<b>Actor</b>	<b>Admin</b>	<b>Trigger</b>	<b>Người dùng nhấn nút thêm người dùng</b>
<b>Precondition</b>	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
<b>Post condition</b>	<b>Thông báo</b>		

### Activities

Actor		System	
<b>Main Flow:</b>		<b>Thêm người dùng</b>	
1	<b>Chọn danh mục quản lý người dùng</b>		
2	<b>Chọn danh mục loại người dùng muốn thêm</b>		
3	<b>Chọn nút thêm</b>		
		4	<b>Hiển thị form thêm người dùng</b>
5	<b>Nhập thông tin người dùng</b>		
6	<b>Nhấn nút xác nhận</b>		

		<b>5</b>	<b>Kiểm tra thông tin và thêm dữ liệu vào bảng khách hàng.</b>
		<b>6</b>	<b>Thông báo</b>

### **Message**

<b>S01</b>	“Thêm thành công” Message thông báo thêm thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
<b>S03</b>	“Thêm thất bại” Message thông báo khi thêm thất bại.

### **3.20. UC20: Xóa người dùng:**

#### **Use case Description**

<b>Name</b>	<b>Xóa người dùng</b>	<b>Code</b>	<b>UC20</b>
<b>Description</b>	Người dùng muốn xóa một người dùng khỏi hệ thống.		

<b>Actor</b>	<b>Admin</b>	<b>Trigger</b>	<b>Người dùng nhấn tác vụ xóa từ một người dùng.</b>
<b>Precondition</b>	<b>Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.</b>		
<b>Post condition</b>	<b>Thông báo</b>		

### Activities

<b>Actor</b>		<b>System</b>	
<b>Main Flow:</b>		<b>Xóa người dùng</b>	
1	<b>Chọn danh mục quản lý người dùng</b>		
2	<b>Chọn danh mục loại người dùng muốn xóa</b>		
3	<b>Chọn nút xóa từ một người dùng muốn xóa.</b>		
		4	<b>Hiển thị hộp thoại xác nhận</b>
5	<b>Nhấn xác nhận xóa trong hộp thoại.</b>		
		6	<b>Xóa sản phẩm khỏi bảng Sản phẩm trong CSDL.</b>

		7	Thông báo.
8	Nhấn hủy xóa trong hộp thoại		
		9	Quay lại trang quản lý người dùng

### Message

S01	“Xóa thành công” Message thông báo xóa thành công
S02	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server

### 3.21. UC21: Chỉnh sửa người dùng:

#### Use case Description

Name	Chỉnh sửa người dùng	Code	UC21
Description	Người dùng muốn chỉnh sửa thông tin người dùng		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng chọn người dùng và

			<b>nhấn tác vụ chỉnh sửa.</b>
<b>Precondition</b>	<b>Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.</b>		
<b>Post condition</b>	<b>Thông báo</b>		

### Activities

Actor		System	
<b>Main Flow:</b>		<b>Chỉnh sửa người dùng</b>	
1	<b>Chọn danh mục quản lý người dùng</b>		
		2	<b>Hiển thị trang danh sách người dùng</b>
3	<b>Chọn người dùng cần chỉnh sửa.</b>		
4	<b>Nhập thông tin cần chỉnh sửa</b>		
5	<b>Nhấn nút lưu</b>		
		6	<b>Kiểm tra thông tin và cập nhật dữ liệu.</b>

		7	<b>Thông báo sửa thành công.</b>
--	--	---	----------------------------------

## Message

S01	“Sửa thành công” Message thông báo khi sửa thành công
S02	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
S03	“Thông báo sửa thất bại” Message thông báo khi sửa thất bại.

### 3.22. UC22: Tìm kiếm người dùng:

#### Usecase Description

Name	Tìm kiếm người dùng	Code	UC22
Description	Người dùng muốn tìm kiếm người dùng		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng nhập tên người dùng vào khung search và chọn tìm kiếm.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Hiển thị danh sách kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Tìm kiếm người dùng	
1	Nhập tên người dùng vào khung tìm		
2	Nhấn nút tìm		
		3	Truy xuất CSDL

		4	Hiển thị danh sách kết quả tìm kiếm.
--	--	---	--------------------------------------

### 3.23. UC23: Quản lý thống kê:

#### Usecase Description

Name	Quản lý thống kê	Code	UC23
Description	Người dùng muốn xem bảng thống kê theo tháng		
Actor	Admin	Trigger	Người dùng chọn tháng trong danh mục thống kê
Precondition	Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống với Quyền Admin.		
Post condition	Hiển thị trang kết quả		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Quản lý thống kê	
1	Chọn danh mục quản lý thống kê		
		2	Hiển thị form thống kê

3	Chọn tháng cần xem.		
		4	Hiển thị trang thống kê với tháng vừa nhập

### 3.24. UC24: Đăng ký (Khách hàng):

#### Usecase Description

Name	Đăng ký	Code	UC24
Description	Người dùng muốn đăng ký tài khoản trên hệ thống.		
Actor	Khách vãng lai	Trigger	Người dùng chọn nút đăng ký
Precondition	Người dùng chưa đăng nhập vào hệ thống		
Post condition	Thông báo.		

#### Activities

Actor		System
Main Flow:		Đăng ký
1	Nhấn nút đăng ký	

		<b>2</b>	<b>Hiển thị form đăng ký</b>
<b>3</b>	<b>Nhập thông tin và chọn nút tạo</b>		
		<b>4</b>	<b>Kiểm tra và thêm người dùng vào CSDL bảng khách hàng</b>
		<b>5</b>	<b>Thông báo.</b>

### Message

<b>S01</b>	“Đăng ký thành công”  Message thông báo khi đăng ký thành công
<b>S02</b>	“ERROR 404”  Message thông báo khi không kết nối được server
<b>S03</b>	“Đăng ký thất bại”  Message thông báo khi đăng ký thất bại

### 3.25. UC25: Xem danh sách tất cả sách (Khách hàng):

#### Usecase Description

Name	Xem danh sách sách	Code	UC25
Description	<b>Người dùng muốn xem danh sách sách.</b>		
Actor	<b>Khách vãng lai, khách thân thiết</b>	Trigger	<b>Nhấn chọn danh mục sách</b>
Precondition			
Post condition	<b>Hiển thị kết quả.</b>		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		<b>Xem danh sách tất cả sách</b>	
1	<b>Nhấn danh mục sách</b>		
		2	<b>Truy vấn SQL bảng sản phẩm</b>
		3	<b>Hiển thị danh sách tất cả cuốn sách</b>

### 3.26. UC26: Xem chi tiết cuốn sách:

#### Usecase Description

Name	Xem chi tiết cuốn sách	Code	UC26
Description	Người dùng muốn xem thông tin chi tiết của một cuốn sách.		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Chọn nút xem chi tiết từ một cuốn sách.
Precondition			
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Xem chi tiết cuốn sách	
1	Chọn một quyển sách.		
2	Chọn nút xem chi tiết.		
		3	Truy vấn CSDL

		4	Hiển thị trang thông tin chi tiết
--	--	---	-----------------------------------

### 3.27. UC27: Thêm vào giỏ hàng:

#### Usecase Description

Name	Thêm vào giỏ	Code	UC27
Description	Người dùng muốn thêm sách vào giỏ hàng		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Người dùng chọn sách và nhấn nút Thêm vào giỏ
Precondition			
Post condition	Thông báo		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Thêm vào giỏ hàng	
1	Chọn sách		
2	Chọn nút thêm vào giỏ		

		3	Kiểm tra tồn tại của sách trong giỏ
		4	Thêm mới hoặc tăng số lượng lên 1

### Message

S01	<p>“Đã thêm vào giỏ”</p> <p>Message thông báo khi đã thêm sản phẩm vào giỏ hàng</p>
-----	---

### 3.28. UC28: Xem giỏ hàng:

#### Usecase Description

Name	Xem giỏ hàng	Code	UC28
Description	Người dùng muốn xem giỏ hàng.		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Người dùng chọn nút giỏ hàng
Precondition			
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Xem giỏ hàng	
1	Nhấn nút giỏ hàng		
		2	Truy xuất dữ liệu từ session giỏ hàng.
		3	Hiển thị danh sách sản phẩm trong giỏ hàng.

### 3.29. UC29: Cập nhật giỏ hàng:

#### Usecase Description

Name	Cập nhật giỏ hàng	Code	UC29
Description	Người dùng muốn chỉnh sửa giỏ hàng.		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Người dùng chỉnh sửa số lượng hoặc xóa
Precondition			
Post condition	Hiển thị kết quả		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Cập nhật giỏ hàng	
1	Chỉnh sửa số lượng		
		2	Cập nhật lại session giỏ hàng
		3	Hiển thị lại trang giỏ hàng.

4	Xóa một sản phẩm		
		5	Cập nhật lại session giỏ hàng
		6	Hiển thị lại trang giỏ hàng.

### 3.30. UC30: Cập nhật thông tin cá nhân:

#### Usecase Description

Name	Cập nhật thông tin cá nhân	Code	UC30
Description	Người dùng muốn chỉnh sửa thông tin cá nhân.		
Actor	Khách hàng thân thiết	Trigger	Chọn nút chỉnh sửa thông tin cá nhân
Precondition	Người dùng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. Quyền truy cập là khách hàng thân thiết.		
Post condition	Thông báo		

#### Activities

Actor	System
-------	--------

Main Flow:		Cập nhật thông tin cá nhân	
1	<b>Chọn chỉnh sửa thông tin cá nhân</b>		
		2	<b>Hiển thị trang thông tin cá nhân</b>
3	<b>Nhập thông tin cần chỉnh sửa</b>		
4	<b>Chọn xác nhận lưu</b>		
		5	<b>Cập nhật vào hệ thống</b>
		6	<b>Hiển thị thông báo.</b>

### Message

S01	<p>“Cập nhật thành công”</p> <p>Message thông báo khi lưu thành công</p>
S02	<p>“ERROR 404”</p> <p>Message thông báo khi không kết nối được server</p>

S03	<p>“Cập nhật thất bại”</p> <p>Message thông báo khi lưu thất bại</p>
-----	--

### 3.31. UC31: Xem lịch sử mua hàng:

#### Usecase Description

Name	Xem lịch sử mua hàng	Code	UC31
Description	Người dùng muốn xem lịch sử đơn hàng		
Actor	Khách hàng thân thiết	Trigger	Chọn nút lịch sử đơn hàng.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. Quyền truy cập là khách hàng thân thiết.		
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Xem lịch sử mua hàng	
1	Chọn nút lịch sử đơn hàng		

		2	Truy vấn CSDL đơn hàng với mã khách hàng hiện tại.
		3	Hiển thị danh sách kết quả

### 3.32. UC32: Xem chi tiết đơn hàng:

Name	Xem chi tiết đơn hàng	Code	UC32
Description	Người dùng muốn xem chi tiết đơn hàng của mình.		
Actor	Khách hàng thân thiết	Trigger	Nhấn vào đơn hàng.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. Quyền truy cập là khách hàng thân thiết.		
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Xem chi tiết đơn hàng	
1	Chọn đơn hàng		

		2	Truy vấn CSDL đơn hàng với mã đơn hàng đã chọn.
		3	Hiển thị trạng thái đơn hàng.

### 3.33. UC33: Hủy đơn hàng:

#### Usecase Description

Name	Hủy đơn hàng	Code	UC33
Description	Người dùng muốn hủy đơn hàng.		
Actor	Khách hàng thân thiết	Trigger	Chọn đơn hàng và chọn tác vụ hủy đơn.
Precondition	Người dùng đã đăng nhập thành công vào hệ thống. Quyền truy cập là khách hàng thân thiết.		
Post condition	Hiển thị thông báo.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Hủy đơn hàng	
1	Chọn đơn hàng cần hủy		

		<b>2</b>	<b>Kiểm tra CSDL</b>
		<b>3</b>	<b>Hiển thị thông tin đơn hàng</b>
<b>4</b>	<b>Chọn nút hủy đơn</b>		
		<b>5</b>	<b>Cập nhật trạng thái đơn hàng thành đang chờ hủy trong CSDL.</b>
		<b>6</b>	<b>Hiển thị thông báo</b>

### Message

<b>S01</b>	“Hủy đơn thành công” Message thông báo khi xóa đơn hàng thành công.
<b>S02</b>	“ERROR 404” Message thông báo khi không kết nối được server
<b>S03</b>	“Hủy đơn hàng thất bại” Message thông báo khi xóa đơn hàng thất bại

### 3.34. UC34: Đăng Nhập (Khách vãng lai):

#### Usecase Description

Name	Đăng nhập	Code	UC34
Description	Người dùng muốn đăng nhập tài khoản trên hệ thống.		
Actor	Khách vãng lai	Trigger	Người dùng chọn nút đăng nhập
Precondition			
Post condition	Thông báo.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Đăng Nhập	
1	Nhấn nút đăng nhập		
		2	Hiển thị form đăng nhập
3	Nhập thông tin và chọn nút đăng nhập		
		4	Kiểm tra

		5	<b>Thông báo đăng nhập thành công hoặc thất bại.</b>
--	--	---	--

### Message

S01	<p>“Đăng nhập thành công”</p> <p>Message thông báo khi đăng nhập thành công</p>
S02	<p>“ERROR 404”</p> <p>Message thông báo khi không đăng nhập thành công</p>
S03	<p>“Đăng nhập thất bại do mật khẩu hoặc tài khoản không chính xác”</p> <p>Message thông báo khi đăng nhập thất bại</p>

### 3.35. UC35: Hiển thị sách theo chủ đề

#### Usecase Description

Name	<b>Hiển thị sách theo chủ đề</b>	Code	UC35
Description	Người dùng muốn hiển thị sách theo chủ đề mong muốn		

<b>Actor</b>	<b>Khách vãng lai, khách thân thiết</b>	<b>Trigger</b>	<b>Người dùng nhấn chọn chủ đề sách</b>
<b>Precondition</b>			
<b>Post condition</b>	<b>Hiển thị kết quả</b>		

### Activities

<b>Actor</b>		<b>System</b>	
<b>Main Flow:</b>		<b>Hiển thị sách theo chủ đề</b>	
<b>1</b>	<b>Nhấn danh mục chủ đề</b>		
		<b>2</b>	<b>Hiển thị danh sách chủ đề</b>
<b>3</b>	<b>Nhấn vào chủ đề mong muốn</b>		
		<b>4</b>	<b>Truy vấn SQL</b>
		<b>5</b>	<b>Hiển thị tất cả sách theo chủ đề đã chọn.</b>

### 3.36. UC36: Hiển thị sách theo nhà xuất bản

#### Usecase Description

Name	Hiển thị sách theo nhà xuất bản	Code	UC36
Description	Người dùng muốn hiển thị sách theo nhà xuất bản mong muốn		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Người dùng nhấn chọn nhà xuất bản sách
Precondition			
Post condition	Hiển thị kết quả		

### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Hiển thị sách theo chủ đề	
1	Nhấn danh mục nhà xuất bản		
		2	Hiển thị danh sách nhà xuất bản
3	Nhấn vào nhà xuất bản mong muốn		
		4	Truy vấn SQL

		5	Hiện thị tất cả sách theo nhà xuất bản đã chọn.
--	--	---	---

### 3.37. UC37: Đăng Xuất

#### Usecase Description

Name	Đăng xuất	Code	UC37
Description	Người dùng muốn đăng xuất tài khoản trên hệ thống.		
Actor	Khách thân thiết	Trigger	Người dùng chọn nút đăng xuất
Precondition			
Post condition	Thông báo.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Đăng Xuất	
1	Nhấn nút đăng xuất		
		2	Xác nhận

3	Hiển thị trang chủ khách hàng vãng lai		
---	---	--	--

### 3.38. UC38: Tìm kiếm sách

#### Usecase Description

Name	Tìm kiếm sách	Code	UC38
Description	Người dùng muốn tìm kiếm sách theo mong muốn		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Người dùng nhập tên sách cần tìm
Precondition			
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Tìm kiếm sách	
1	Nhập tên sách cần tìm ô tìm kiếm sách		
		2	Truy vấn SQL

		3	Hiển thị sách cần tìm
--	--	---	-----------------------

### 3.39. UC39: Tra cứu đơn hàng

#### Usecase Description

Name	Tra cứu đơn hàng	Code	UC39
Description	Người dùng muốn tìm kiếm đơn hàng theo mong muốn		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Người dùng nhập đơn hàng cần tìm
Precondition			
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Tra cứu đơn hàng	
1	Nhập mã đơn hàng hoặc số điện thoại		
2	Nhấn tra cứu		

		3	Truy vấn SQL
		4	Hiển thị đơn hàng cần tìm

### 3.40. UC40: Đặt Hàng

#### Usecase Description

Name	Tìm kiếm đơn hàng	Code	UC40
Description	Người dùng muốn đặt hàng		
Actor	Khách vãng lai, khách thân thiết	Trigger	Người dùng nhấn vào giỏ hàng đã có sách
Precondition	Có sách trong giỏ hàng		
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Đặt Hàng	
1	Nhấn vào giỏ hàng		

		<b>2</b>	<b>Hiển thị chi tiết giỏ hàng</b>
<b>3</b>	<b>Nhập thông tin khách hàng(nếu chưa đăng nhập)</b>		
<b>4</b>	<b>Chọn phương thức thanh toán</b>		
		<b>5</b>	<b>Hiển thị phương thức thanh toán đã chọn</b>
<b>6</b>	<b>Nhấn nút đặt hàng</b>		
		<b>7</b>	<b>Xác nhận và lưu vào CSDL</b>
		<b>8</b>	<b>Thông báo đặt hàng thành công</b>

### **Message**

<b>MS01</b>	“Đặt hàng thành công” Message thông báo khi đặt hàng thành công
<b>MS02</b>	“ERROR 404”

	Message thông báo khi đặt hàng không thành công
--	---

### 3.41. UC41: Áp dụng mã giảm giá

#### Usecase Description

Name	Áp dụng mã giảm giá	Code	UC41
Description	Áp dụng mã giảm giá		
Actor	Khách hàng thân thiết	Trigger	Người dùng nhấn vào giỏ hàng đã có sách
Precondition	Có sách trong giỏ hàng và người dùng đã đăng nhập vào hệ thống		
Post condition	Hiển thị kết quả.		

#### Activities

Actor		System	
Main Flow:		Áp dụng mã giảm giá	
1	Nhấn vào giỏ hàng		

		2	<b>Hiển thị chi tiết giỏ hàng</b>
3	<b>Nhập mã giảm giá</b>		
		4	<b>Kiểm tra</b>
5	<b>Hiển thị tổng tiền sau khi áp dụng mã giảm giá</b>		
		7	<b>Thông báo đặt hàng thành công</b>

### **Message**

<b>MS01</b>	“Áp dụng thành công” Message thông báo khi áp dụng mã thành công
<b>MS02</b>	“ERROR 404” Message thông báo áp dụng mã thất bại

## **4. Thiết kế hệ thống:**

### **4.1. Kiến trúc hệ thống:**

#### **4.1.1. Giới thiệu về Microsoft .NET**

Microsoft C# là một ngôn ngữ lập trình đơn giản, hiện đại, mục đích tổng quát, hướng đối tượng được phát triển Microsoft và được phê chuẩn bởi European Computer Manufacturers Association (ACMA) và International Standards Organization (ISO).

Microsoft C# được thiết kế cho Common Language Infrastructure (CLI), mà gồm Executable Code và Runtime Environment, cho phép chúng ta sử dụng các ngôn ngữ high - level đa dạng trên các nền tảng và cấu trúc máy tính khác nhau.

Microsoft C# là ngôn ngữ lập trình chuyên nghiệp được sử dụng rộng rãi.

Microsoft C# kế thừa từ các ngôn ngữ C++, và JAVA. - Nó là ngôn ngữ lập trình hiện đại, mục đích tổng quát.

Microsoft C# là ngôn ngữ hướng đối tượng, dễ dàng để học nó là một phần của **.Net Framework**.

#### **4.1.2. Cơ sở dữ liệu**

**Cơ sở dữ liệu:** là tập hợp các bảng dữ liệu có quan hệ với nhau sao cho cấu trúc của chúng như các mối quan hệ bên trong giữa chúng ta là tách biệt với chương trình ứng dụng bên ngoài, đồng thời nhiều người dùng khác nhau cũng như nhiều ứng dụng khác nhau có thể cùng khai thác và chia sẻ một cách chọn lọc nhất.

Thực thể là một hình ảnh cụ thể của một đối tượng trong hệ thống tin quản lý, một thực thể xác định tên và các thuộc tính.

Thuộc tính là một yếu tố dữ liệu hoặc thông tin của dữ liệu ấy.

Lớp thực thể: là các thực thể cùng thuộc tính.

Lược đồ quan hệ: Tập hợp thuộc tính một quan hệ, lược đồ quan hệ gồm các thuộc tính của thực thể cùng các mệnh đề ràng buộc.

- **Quan hệ cơ sở dữ liệu:**

**Cơ sở dữ liệu quan hệ** là cơ sở dữ liệu và các quan hệ đó được tổ chức thành các thực thể. Mỗi thể hiện của một thực thể là bộ các giá trị tương ứng với các thuộc tính của các thực thể đó.

- **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu:**

**Hệ quản trị cơ sở dữ liệu** là các chương trình có thể xử lý, thay đổi dữ liệu.

- **Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (DBMS):**

Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (Database Management System - DBMS) là phần mềm hay hệ thống được thiết kế để quản trị một cơ sở dữ liệu. Cụ thể, các chương trình thuộc loại này hỗ trợ khả năng lưu trữ, sửa, xóa và tìm kiếm thông tin trong cơ sở dữ liệu (CSDL). Có rất nhiều loại hệ quản trị CSDL khác nhau từ phần mềm nhỏ chạy trên máy tính cá nhân cho đến những hệ quản trị phức tạp chạy trên một hoặc nhiều siêu máy tính.

- **Ưu điểm và nhược điểm của hệ quản trị cơ sở dữ liệu:**

**Ưu điểm:**

- Quản lý được dữ liệu dư thừa.
- Đảm bảo tính nhất quán cho dữ liệu.
- Tạo khả năng chia sẻ dữ liệu nhiều hơn.
- Cải tiến tính toàn vẹn dữ liệu.

**Nhược điểm:**

- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu khá phức tạp.

- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu tốt thường chiếm nhiều dung lượng bộ nhớ.
- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu được viết tổng quát cho nhiều người sử dụng thường thì bị chậm.

#### **4.1.3. Giới thiệu về SQL Server 2019:**

Microsoft SQL Server 2019 là phiên bản mới nhất của SQL Server linh hoạt và đáng tin cậy. Phiên bản mới nhất này tiếp tục xác định lại SQL Server từ một hệ thống cơ sở dữ liệu quan hệ truyền thống thành một nền tảng dữ liệu cho mọi kịch bản dữ liệu từ OLTP đến DW cho đến nay là dữ liệu lớn và phân tích.

SQL Server 2019 được tích hợp với Cloud, điều này đồng nghĩa các tổ chức có thể hưởng lợi từ tính năng bảo mật cao, vừa đồng bộ được dữ liệu trên nhiều máy tính và các thiết bị hiện đại khác.

SQL Server 2019 tạo ra nền tảng dữ liệu hợp nhất đi kèm với Hệ thống tệp phân tán Apache Spark và Hadoop (HDFS) để trở nên thông minh hơn với tất cả dữ liệu.

#### **SQL Server 2019 có gì đặc biệt?**

SQL Server 2019 mang đến các tính năng tuân thủ và bảo mật sáng tạo, hiệu suất hàng đầu trong ngành, tính khả dụng quan trọng của sứ mệnh và phân tích nâng cao cho tất cả khối lượng công việc dữ liệu của bạn, hiện đã có hỗ trợ cho dữ liệu lớn được tích hợp sẵn, giúp người dùng tiết kiệm rất nhiều thời gian khi bắt đầu một dự án.

- **Các Big Data Cluster và PolyBase**

Microsoft triển khai Big Data Clusters (Cụm dữ liệu lớn) vào SQL Server 2019 nhằm mang đến sự linh hoạt và khả năng mở rộng cho nền tảng dữ liệu doanh nghiệp.

Cụm dữ liệu lớn của SQL Server 2019 được triển khai dưới dạng vùng chứa trên Kubernetes, kết nối trực tiếp công cụ cơ sở dữ liệu SQL Server với Apache Spark. Nhờ

vậy, người dùng có thể nhận thông tin chi tiết từ tất cả các dữ liệu thông qua truy vấn trên dữ liệu quan hệ để có một bức tranh toàn cảnh.

Bộ tính năng này được xem là cải tiến lớn với PolyBase (một thành phần tùy chọn trong SQL Server) khi kết nối SQL Server 2019 với Oracle, Teradata và MongoDB, đồng thời cung cấp kết nối với các nguồn dữ liệu khác. Microsoft gọi đây là “ảo hóa dữ liệu”. Ảo hóa dữ liệu với PolyBase cho phép bạn sử dụng SQL Server 2019 làm trung tâm dữ liệu, truy vấn từ nhiều nguồn dữ liệu. PolyBase đã được thêm vào trên bản SQL Server Standard Edition, giúp nhiều người dùng có thể tiếp cận được với nó.

Ngoài ra, người dùng có thể triển khai PolyBase dưới dạng nhóm mở rộng để nâng cao hiệu suất và khả năng mở rộng của SQL Server 2019.

- **Xử lý truy vấn thông minh:**

Tính năng Query Store được cho là tính năng tuyệt vời đã được giới thiệu trong SQL Server 2016. Tính năng này cho phép người dùng có thông tin về thời gian chạy, kế hoạch thực thi cho các truy vấn. Nhờ điều này, quản trị viên cơ sở dữ liệu có thể nhanh chóng tìm ra nguyên nhân của vấn đề hiệu suất.

Trong SQL Server 2019, Microsoft đã thực hiện một số cải tiến bổ sung cho các tính năng Query Store mặc định bằng cách thêm điều chỉnh truy vấn tự động cho các kế hoạch thực thi hồi quy về hiệu suất.

- **Giám sát thông minh**

Để hạn chế một số vấn đề về tranh chấp tài nguyên mà tính năng Query Store gây ra trên một số hệ thống, SQL Server 2019 giới thiệu một tùy chọn cho phép tùy biến việc thu thập dữ liệu. Ngoài ra, SQL Server 2019 cũng cập nhật một số cải tiến quanh việc thu thập kế hoạch thực thi.

Với những cập nhật này, người dùng có thể nắm bắt các kế hoạch thực thi thực tế, kiểm tra được số lượng hàng được truy vấn sử dụng, từ đó dễ dàng so sánh chúng với

những dữ liệu ước tính mà trình tối ưu hóa truy vấn đã sử dụng và tìm ra vấn đề về hiệu suất một cách nhanh chóng.

- **Khôi phục cơ sở dữ liệu nhanh hơn**

Với SQL Server 2019, Microsoft đã cải thiện quá trình phục hồi cơ sở dữ liệu bằng cách triển khai danh sách các phiên bản để cho phép giao dịch được cập nhật nhanh hơn rất nhiều sau khi khôi phục hay cập nhật máy chủ, thời gian khôi phục mẫu chỉ mất 1 giây.

- **Tối ưu hóa hiệu suất**

SQL Server thường xảy ra sự cố khi hệ thống cố gắng chèn các bản ghi tuần tự vào một bảng với khói lượng rất cao. Vấn đề này xảy ra do sự cạnh tranh trong bộ nhớ, vì chỉ có một luồng có thể truy cập một trang dữ liệu trong một thời điểm nhất định. Để khắc phục sự cố này, tính năng OLTP trong bộ nhớ được thiết lập thêm. Tuy nhiên, điểm yếu của nó là không tương thích được 100% với tất cả các loại dữ liệu, nên không thể sử dụng ở mọi nơi được.

Ngoài ra, SQL Server 2019 được giới thiệu thêm hai tính năng bổ trợ: “Optimize\_for\_sequential\_key” và TempDB. Trong khi “optimize\_for\_sequential\_key” giúp giảm ảnh hưởng của các sự cố, tăng hiệu suất lên tới 40%, TempDB giúp loại bỏ các vấn đề bị tắc nghẽn ở lớp dữ liệu nhờ tận dụng tính năng OLTP trong bộ nhớ.

- **Các tính năng khác**

Bên cạnh các tính năng nổi bật trên, SQL Server 2019 còn cho phép người dùng tạo chỉ mục trong cửa sổ bảo trì hoặc tiếp tục xây dựng sau sự cố máy chủ. Tính năng mã hóa cũng được nâng cấp, cho phép công cụ cơ sở dữ liệu hoạt động trên dữ liệu được mã hóa trong T-SQL mà không bị quản trị viên nhìn thấy.

#### **4.1.4. Giới thiệu Visual Studio 2019:**

**Visual Studio** là (*IDE – Integrated Development Environment*) một bộ công cụ phát triển phần mềm do Microsoft phát triển. Visual Studio cũng là một phần mềm được sử dụng bởi các lập trình viên để xây dựng nêncác sản phẩm phần mềm.

**Visual Studio** hỗ trợ ngôn ngữ lập trình khác nhau và cho phép trình biên tập mã và gỡ lỗi để hỗ trợ gần như bất kỳ ngôn ngữ lập trình, cung cấp một dịch vụ ngôn ngữ cụ thể tồn tại. Được xây dựng trong ngôn ngữ bao gồm C, C++, VB.NET, C#.

Phiên bản đầu tiên của **Visual Studio** được **Microsoft** phát hành vào năm 1997 với hai phiên bản là **Professional**và **Enterprise**. Tính đến thời điểm hiện tại, Visual Studio đã trải qua nhiều thời kì phát triển và đã phát hành những bản Visual Studio như Visual Studio 2005, VS 2008, VS 2010, VS 2012, VS 2013. Và phiên bản mới nhất của Visual Studio là phiên bản Visual Studio 2015 phát hành chính thức vào tháng 7 năm 2015. Với mỗi phiên bản phát hìn có nhiều công nghệ và tính năng mới mẽ được tích hợp.

Visual Studio có những điểm mạnh sau đây:

- Hỗ trợ lập trình trên nhiều ngôn ngữ như C/C++, C#, F#, Visual Basic, HTML, CSS,
- JavaScript. Phiên bản Visual Studio 2015 có hỗ trợ ngôn ngữ Python.
- Visual Studio là một công cụ hỗ trợ việc Debug một cách mạnh mẽ, dễ dàng nhất (Break Point, xem giá trị của biến trong quá trình chạy, hỗ trợ debug từng câu lệnh).
- Giao diện Visual Studio rất dễ sử dụng đối với người mới bắt đầu.
- Visual Studio hỗ trợ phát triển ứng dụng desktop MFC, Windows Form, Universal App, ứng dụng mobileWindows Phone 8/8.1, Windows 10, Android (Xamarin), iOS và phát triển website Web Form, ASP.NET MVC và phát triển Microsoft Office.
- Visual Studio hỗ trợ kéo thả để xây dựng ứng dụng một cách chuyên nghiệp, giúp các bạn mới bắt đầu có thể tiếp cận nhanh hơn.

- Visual Studio cho phép chúng ta tích hợp những extension từ bên ngoài như Resharper (hỗ trợ quản lý và viết mã nhanh cho các ngôn ngữ thuộc .Net), hay việc cài đặt thư viện nhanh chóng thông qua Nuget.
- Visual Studio được sử dụng đồng đảo bởi lập trình viên trên toàn thế giới.

Tháng 12/2019, Microsoft đã chính thức phát hành phiên bản Visual Studio 2019 dành cho Windows và Mac. Với nhiều cải tiến so với phiên bản cũ, bộ IDE này mang tới nhiều tính năng khá thú vị và hữu ích đối với các lập trình viên.

Với Visual Studio 2017, Microsoft đã phát hành riêng lẻ vào tháng 3/2017 dành cho Windows và tháng 5/2017 cho Mac. Đây cũng là bộ Visual Studio được sử dụng phổ biến trước đây. Ở bản Visual Studio 2019 này, Microsoft đã tích hợp thêm một trợ lý AI để có thể tự động hoàn thiện các dòng code, nó được gọi là *Visual Studio IntelliCode*. Không chỉ vậy, *Visual Studio Live Share* cũng đã chính thức hoạt động, cho phép những người trong một team có thể đóng góp code cho cùng một dự án một cách real-time (theo thời gian thực).

Visual Studio 2019 như một cú lột xác hoàn hảo với sự cải thiện toàn diện cả về giao diện thao tác và hiệu suất. Giao diện Start cũng trở nên đơn giản và dễ dàng hơn cho các "coder" để thao tác nhanh hơn (nhất là khi muốn clone một repos từ Git hoặc mở một project/ folder có sẵn), màn hình chọn template code cũng được cải thiện, vùng soạn thảo code được mở rộng không gian hơn, trải nghiệm tìm kiếm mới, trình debug thông minh hơn. Hơn thế nữa, tất cả những tính năng trên đều có thể hoạt động với cả những project đã tồn tại hoặc một project mới - từ các ứng dụng C đa nền tảng, cho tới ứng dụng .NET cho Android và iOS sử dụng Xamarin hay những ứng dụng sử dụng nền tảng đám mây với dịch vụ Azure.

Các tính năng mới của Visual Studio 2019:

- **Cải tiến giao diện người dùng:**

Giao diện người dùng Visual Studio 2019 được cải tiến, lột xác hoàn toàn. Đầu tiên phải kể đến cửa sổ chào mừng khi người dùng lần đầu tiên khởi chạy IDE mới.

Người dùng có quyền truy cập nhanh các công việc gần đây trên màn hình cũng như khả năng sao chép, mở hoặc tạo dự án mới. Màn hình template cũng được cải thiện giúp cho việc lọc qua các mẫu có sẵn để tìm kiếm mẫu phù hợp nhất trở nên dễ dàng hơn nhiều.

Giao diện người dùng Visual Studio 2019 được cập nhật, bao gồm chủ đề màu xanh dương được làm mới, cập nhật trên menu và thanh tiêu đề để tăng không gian có sẵn cho mã.

Ngoài ra thanh tìm kiếm cũng được chuyển vào menu, cải thiện độ chính xác khi tìm kiếm các lệnh, tùy chọn và các thành phần có thể cài đặt.

Một số dịch vụ cũng được chuyển sang nền background, tức là người dùng có thể truy cập các giải pháp nhanh hơn. Đồng thời người dùng cũng có thể cấu hình các dự án cụ thể.

- **Tính Năng Visual Health Indicator**

Tính năng Visual Health Indicator trong Visual Studio 2019 để thông báo cho người dùng biết trạng thái mã (code). Chỉ báo này nằm trong thanh cuộn tài liệu, thông báo cho người dùng nếu có bất kỳ vấn đề nào xảy ra hoặc lỗi trong mã.

Ngoài ra tính năng cũng được bổ sung nút làm sạch mã chỉ với 1 cú click chuột, định dạng và áp dụng các bản sửa lỗi đề xuất được chỉ định bởi cài đặt hiện tại, file .editorconfig hoặc máy phân tích Roslyn.

- **Visual Studio Live Share**

Live Share là dịch vụ thú vị cho nhà phát triển, cho phép người dùng chia sẻ và cộng tác phát triển mã trực tiếp trong Visual Studio. Tính năng được cài đặt theo mặc định, người dùng có thể dễ dàng tạo phiên công tác từ menu Visual Studio.

Sau khi chia sẻ hyperlink (siêu liên kết) này, bạn có thể tham gia phiên cộng tác của đồng nghiệp, có thể đọc, điều hướng, chỉnh sửa và gỡ lỗi dự án mà bạn đã chia sẻ với họ.

Quá trình này khá an toàn, dễ thực hiện và là giải pháp hữu ích cho các nhóm làm việc từ xa.

- **IntelliCode**

Ngoài ra còn có tiện ích mở rộng IntelliCode mới có sẵn cho Visual Studio 2019 giúp tích hợp Intellisense với Machine Learning.

Tiện ích được phát triển thông qua nhiều dự án nguồn mở trên GitHub và có thể cung cấp các mã nhận biết ngữ cảnh, thông báo khi các nhà phát triển không tuân thủ style và kiểu mã hóa của nhóm, nắm bắt và làm nổi bật các vấn đề tiềm năng về mã và tăng tốc độ đánh giá mã bằng cách chỉ ra các vấn đề lớn. Tiện ích mở rộng hoạt động với C#, XAML và C++.

## **NET Core 3.0**

Microsoft cũng tích hợp hỗ trợ các ứng dụng .NET Core 3.0 cho nền tảng bất kỳ trong bản phát hành. Đối với các nhà phát triển .NET đang có ý định chuyển ứng dụng WinForms WPF sang .NET Core 3.0 vào cuối năm nay có thể cân nhắc Visual Studio 2019.

- **Xamarin**

Với bản phát hành Visual Studio 2019, Microsoft cũng tăng gấp đôi số bản cập nhật Xamarin. Đầu tiên công ty thực hiện một số thay đổi để thu nhỏ kích thước tải trọng cài đặt và cải thiện thời gian xây dựng và triển khai. Điều này sẽ tác động đáng kể đến sự phát triển, vì nó có xu hướng cải thiện thời gian ngắn hơn 20% - 30%.

Ngoài ra còn có tính năng triển khai nhanh mới cho Android để tăng tốc độ triển khai khi không có thay đổi về tài sản, tài nguyên, ... giữa các lần triển khai.

Một tính năng thú vị khác là trình soạn thảo thuộc tính XAML, cho phép người dùng dễ dàng cấu hình các thuộc tính mà không cần phải viết thêm mã.

Cuối cùng Visual Studio 2019 hỗ trợ Xamarin.Forms 4.0 cùng các tính năng mới bao gồm các template dự án Shell mới và điều khiển CollectionView mới. Các template Shell giúp người dùng thiết kế các ứng dụng di động với giao diện được cải thiện và liên kết chặt chẽ với Material Design. Xamarin CollectionView là giải pháp thay thế tốt hơn và linh hoạt hơn cho điều khiển ListView.

#### **4.1.5. Giới thiệu ngôn ngữ HTML:**

HTML là từ viết tắt của Hypertext Markup Language, là sự kết hợp của Hypertext và Markup, hay còn được gọi là ngôn ngữ siêu văn bản. HTML có chức năng giúp người dùng xây dựng và cấu trúc các phần trong trang web hoặc ứng dụng, thường được sử dụng trong phân chia các đoạn văn, heading, link, blockquotes,...

##### **- Ưu điểm và nhược điểm của HTML là gì?**

- **Ưu điểm:**
  - + Ngôn ngữ sử dụng rộng lớn này có rất nhiều nguồn tài nguyên hỗ trợ và cộng đồng sử dụng cực lớn.
  - + Sử dụng mượt mà trên hầu hết mọi trình duyệt.
  - + Có quá trình học đơn giản và trực tiếp.
  - + Chuẩn chính của web được vận hành bởi World Wide Web Consortium (W3C).
  - + Dễ dàng tích hợp với các ngôn ngữ backend như PHP và Node.js.
  - + Mã nguồn mở và hoàn toàn miễn phí.
  - + Markup gọn gàng và đồng nhất.
- **Nhược điểm:**
  - + Nó có thể thực thi một số logic nhất định cho người dùng, vì khó kiểm soát cảnh thực thi của trình duyệt (ví dụ: những trình duyệt cũ không render được tag mới).
  - + Được dùng chủ yếu cho web tĩnh. Đối với các tính năng động, bạn cần sử dụng JavaScript hoặc ngôn ngữ backend bên thứ 3 như PHP.

- + Hầu hết các trang đều cần được tạo riêng biệt, kể cả khi nó sử dụng cùng các yếu tố, như là headers hay footers.
- + Một số trình duyệt chậm hỗ trợ tính năng mới.
- **Các đặc điểm của HTML:**

HTML có nhiều thẻ định dạng, do đó bạn có thể trình bày trang Web dễ dàng, hiệu quả với ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản này. Với tôi, nó là một ngôn ngữ đánh dấu dễ dàng và đơn giản để sử dụng. Chúng ta có thể sử dụng nó để thiết kế trang Web cùng với văn bản một cách linh hoạt.

Một đặc điểm theo tôi khá thú vị là HTML có thể liên kết đến các trang Web khác. Nhờ ngôn ngữ đánh dấu này, bạn có thể thêm các Video, hình ảnh, âm thanh vào để các Website hấp dẫn, đẹp mắt và dễ tương tác hơn.

Đặc biệt, HTML có thể hiển thị trên bất kỳ nền tảng nào khác như Linux, Windows, và Mac vì nó là một nền tảng độc lập.

- **Vai trò:**

HTML là một ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản nên nó sẽ có vai trò xây dựng cấu trúc siêu văn bản trên một website, hoặc khai báo các tập tin kỹ thuật số (media) như hình ảnh, video, nhạc.

Điều đó không có nghĩa là chỉ sử dụng HTML để tạo ra một website mà HTML chỉ đóng một vai trò hình thành trên website. Ví dụ một website đơn giản sẽ được hình thành bởi: HTML, CSS, JAVASCRIPT, PHP, MYSQL,... Css: Định dạng các siêu văn bản dạng thô tạo ra từ HTML thành một bộ cục website, có màu sắc, ảnh nền,....

#### **4.1.6. Giới thiệu về Bootstrap:**

Bootstrap là một framework front-end miễn phí giúp phát triển các ứng dụng web nhanh và dễ dàng hơn.

Bootstrap bao gồm các mẫu thiết kế dựa trên HTML và CSS như typography, form, button, table, navigation, modal, image carousels cũng như các plugins JavaScript tùy ý.

Bootstrap cung cấp cho bạn khả năng thiết kế web responsive một cách dễ dàng.

- **Lợi ích của Bootstrap:**

- + Dễ dàng sử dụng: Chỉ cần lượng kiến thức cơ bản về HTML và CSS, bất cứ ai cũng có thể sử dụng Bootstrap.
- + Các tính năng đáp ứng: Responsive CSS của Bootstrap điều chỉnh cho điện thoại, máy tính bảng và máy tính để bàn.
- + Cách tiếp cận Mobile-first: Trong Bootstrap, mobile-first styles là một phần của core framework.
- + Khả năng tương thích trình duyệt: Bootstrap 4 tương thích với tất cả các trình duyệt hiện nay (Chrome, Firefox, Internet Explorer 10+, Edge, Safari và Opera).

- **Ưu điểm của Bootstrap 4:**

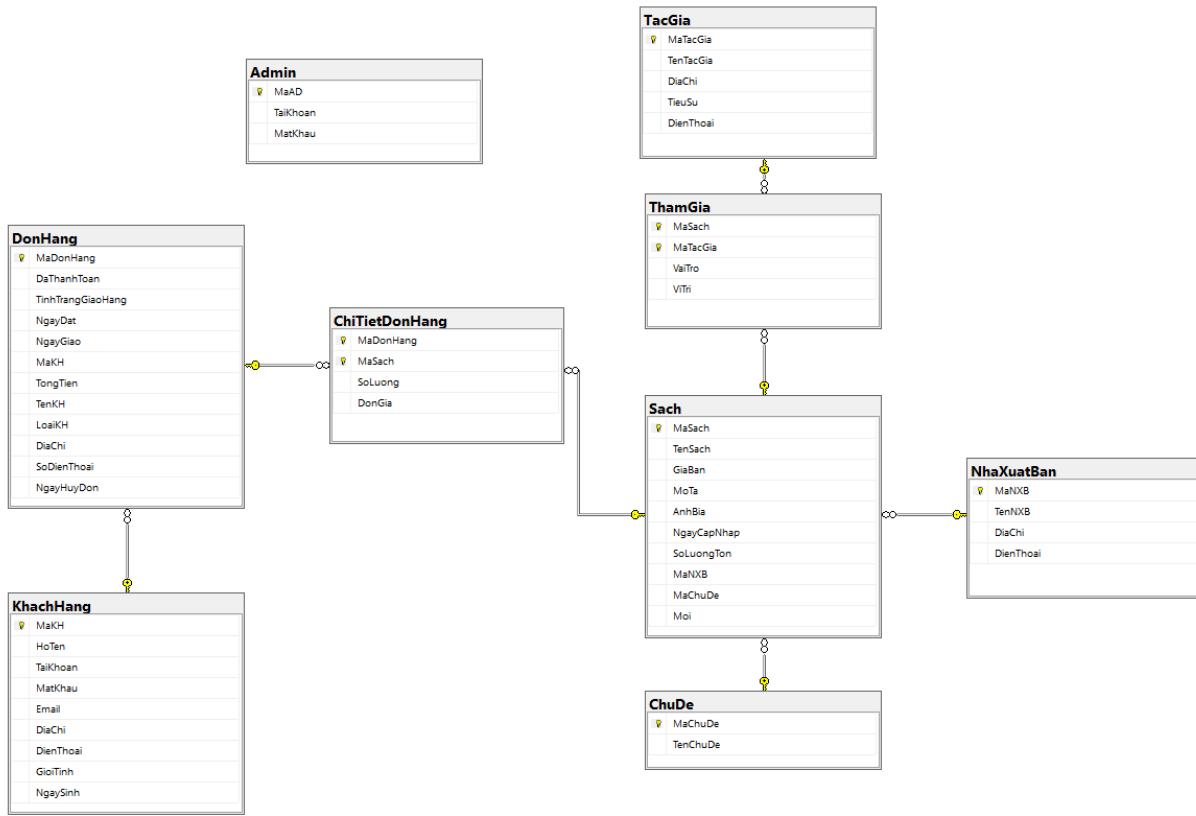
- + Bootstrap 4 là phiên bản Bootstrap mới nhất hiện nay, với nhiều component mới, stylesheet nhanh hơn và responsive hơn.
- + Bootstrap 4 hỗ trợ các bản phát hành ổn định, mới nhất của tất cả các trình duyệt và nền tảng chính. Tuy nhiên, Internet Explorer 9 trở xuống không được hỗ trợ.
- + Nếu bạn yêu cầu hỗ trợ IE8-9, hãy sử dụng Bootstrap 3. Nó là phiên bản ổn định nhất của Bootstrap và nó vẫn được hỗ trợ bởi đội ngũ phát triển cho các lỗi nghiêm trọng và sự thay đổi tài liệu. Tuy nhiên, sẽ không có các tính năng mới được thêm vào.
- + Ngừng hỗ trợ icon: Bootstrap 4 không hỗ trợ BS3 Glyphicons. Hãy sử dụng Font-Awesome hoặc các thư viện icon khác để thay thế.

#### **4.1.7. Framework Web: ASP.NET MVC5:**

Hệ thống được phát triển dựa trên nền tảng **ASP.Net MVC 5**. ASP.Net MVC là một framework web được phát triển bởi Microsoft, thực thi mô hình MVC. MVC là tên một mẫu phát triển ứng dụng, phương pháp này chia nhỏ một ứng dụng thành ba thành phần để cài đặt, mỗi thành phần đóng một vai trò khác nhau và ảnh hưởng lẫn nhau, đó là Model, Views, và Controller. ASP.Net MVC đang nổi lên là phương pháp phát triển web mạnh nhất và phổ biến nhất trên nền .Net hiện nay.

### 3.42. Thiết kế cơ sở dữ liệu:

#### 3.28.1. Sơ đồ CSDL:



Hình 17: Sơ đồ cơ sở dữ liệu

### 3.28.2. Mô tả CSDL

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	<b>MaAD</b>	int		x	x		Mã Admin
2	<b>TaiKhoan</b>	Varchar	50				Tài khoản
3	<b>MatKhau</b>	Nvarchar		50			Mật khẩu

Bảng 4: Cơ sở dữ liệu bảng Admin

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	<b>MaChuDe</b>	int		x	x		Mã chủ đề
2	<b>TenChuDe</b>	varchar	50				Tài khoản

Bảng 5: Cơ sở dữ liệu bảng Chủ đề

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	<b>MaNXB</b>	<b>int</b>		<b>x</b>	<b>x</b>		<b>Mã nhà xuất bản</b>
2	<b>TenNXB</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>50</b>				<b>Tên nhà xuất bản</b>
3	<b>DiaChi</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>200</b>				<b>Địa chỉ</b>
4	<b>DienThoai</b>	<b>Varchar</b>	<b>50</b>				<b>Số điện thoại</b>

Bảng 6: Cơ sở dữ liệu bảng Nhà xuất bản

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	<b>MaTacGia</b>	<b>int</b>		<b>x</b>	<b>x</b>		<b>Mã tác giả</b>
2	<b>TenTacGia</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>50</b>				<b>Tên nhà xuất bản</b>
3	<b>DiaChi</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>200</b>				<b>Địa chỉ</b>
4	<b>TieuSu</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>MAX</b>				<b>Tiêu sử</b>
5	<b>DienThoai</b>	<b>Varchar</b>	<b>50</b>				<b>Số điện thoại</b>

Bảng 7: Cơ sở dữ liệu bảng Tác giả

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	<b>MaKH</b>	<b>int</b>		<b>x</b>	<b>x</b>		<b>Mã khách hàng</b>
2	<b>HoTen</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>50</b>				<b>Tên nhà xuất bản</b>
3	<b>TaiKhoan</b>	<b>Varchar</b>	<b>50</b>				<b>Tài khoản</b>
4	<b>MatKhau</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>50</b>				<b>Mật khẩu</b>
5	<b>Email</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>100</b>				<b>Địa chỉ email</b>
6	<b>DiaChi</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>200</b>				<b>Địa chỉ nhà</b>
7	<b>DienThoai</b>	<b>Varchar</b>	<b>50</b>				<b>Điện thoại</b>
8	<b>GioiTinh</b>	<b>Nvarchar</b>	<b>3</b>				<b>Giới tính</b>
9	<b>NgaySinh</b>	<b>DateTime</b>					<b>Ngày sinh</b>

Bảng 8: Cơ sở dữ liệu bảng Khách hàng

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	MaSach	int		x	x		Mã sách
2	TenSach	Nvarchar	50				Tên sách
3	GiaBan	Varchar	50				Giá bán
4	Mota	Nvarchar	50				Mô tả
5	AnhBia	Nvarchar	100				Ảnh bìa
6	NgayCap	Nvarchar	200				Ngày cấp
7	SoLuongTon	Varchar	50				Số lượng tồn
8	MaNXB	Nvarchar	3			x	Mã nhà xuất bản
9	MaChuDe	DateTime				x	Mã chủ đề
10	Moi	int					Tình trạng mới

Bảng 9: Cơ sở dữ liệu bảng Sách

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	<b>MaDonHang</b>	int		x	x		Mã đơn hàng
2	<b>MaKH</b>	int			x	x	Mã khách hàng
3	<b>DaThanhToan</b>	int					Đã thanh toán
4	<b>TinhTrangGiaoHang</b>	int					Tình trạng giao hàng
5	<b>NgayDat</b>	DateTime					Ngày đặt
6	<b>NgayGiao</b>	DateTime					Ngày giao
7	<b>TongTien</b>	Float					Tổng tiền
8	<b>TenKH</b>	Nvarchar					Tên khách hàng
9	<b>LoaiKH</b>	Nvarchar					Loại khách hàng
10	<b>DiaChi</b>	Nvarchar					Địa chỉ
11	<b>SoDienThoai</b>	Char(10)					Số điện thoại
12	<b>NgayHuyDon</b>	DateTime					Ngày hủy đơn

Bảng 10: Cơ sở dữ liệu bảng Đơn hàng

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	MaDonHang	int			x	x	Mã đơn hàng
2	MaSach	int			x	x	Mã sách
3	SoLuong	int					Số lượng
4	DonGia	Nchar	10				Đơn giá

Bảng 11: Cơ sở dữ liệu bảng Đơn hàng chi tiết

STT	Tên	Kiểu	Kích thước	Khoá chính	Not Null	Khoá ngoại	Diễn giải
1	MaSach	int			x	x	Mã sách
2	MaTacGia	int			x	x	Mã tác giả
3	VaiTro	Nvarchar	50				Vai trò
4	ViTri	Nvarchar	50				Vị trí

Bảng 12: Cơ sở dữ liệu bảng Tham gia

Hệ thống đã được xây dựng:

### 3.43. Trang chủ:



Hình 18: Giao diện trang chủ

Code xử lý:

```
public ActionResult Index()
{
    List<Sach> saches = db.Saches.OrderBy(n => n.NgayCapNhap).ToList();
    List<Sach> sachmoi = new List<Sach>();
    List<Sach> sachbanchay = new List<Sach>();
    int i = saches.Count - 1;
    while (i > saches.Count - 5)
    {
        sachmoi.Add(saches[i]);
        i--;
    }
    ViewBag.SachMoi = sachmoi;
```

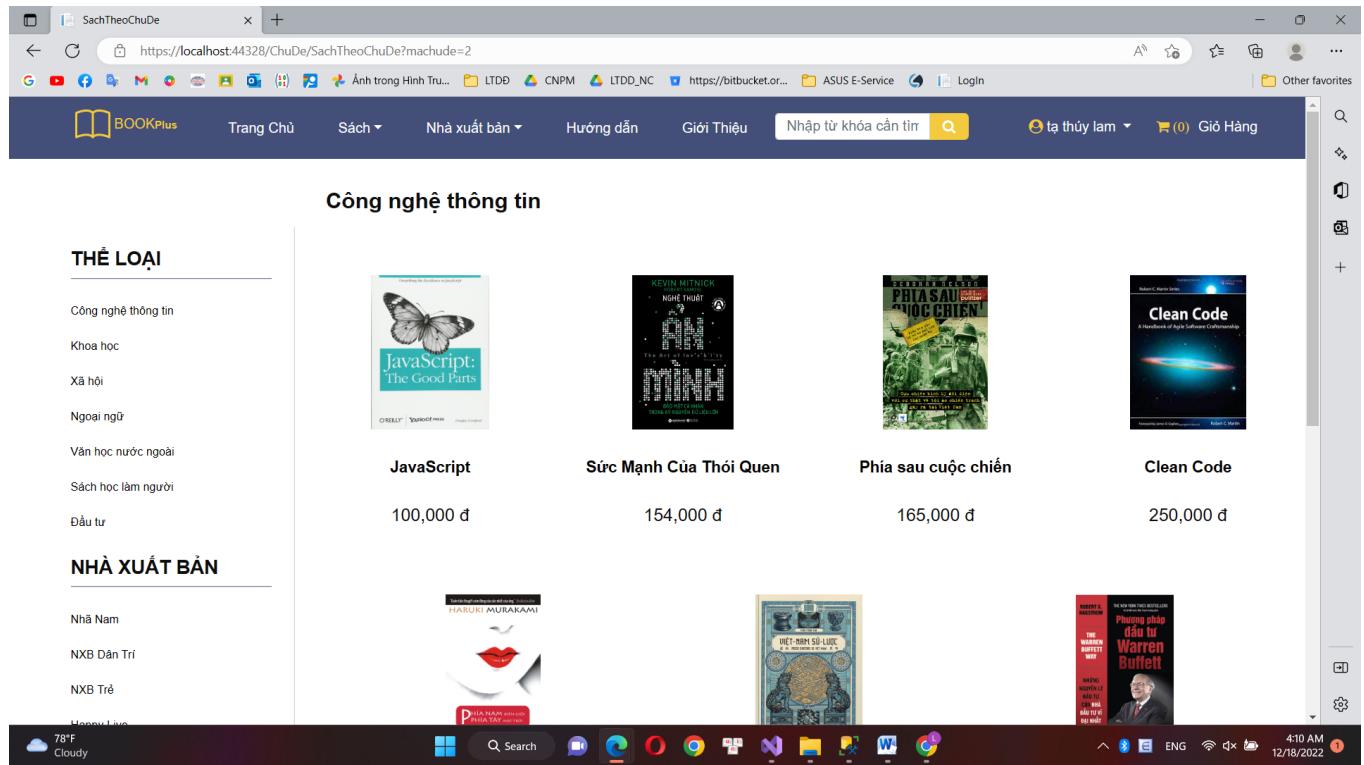
```

var chiTietDonHang = db.ChiTietDonHangs.GroupBy(n => n.MaSach).Select(grp => new
{ MaSach = grp.Key, total = grp.Sum(s => s.SoLuong) }).OrderBy(n =>
n.total).ToList();
var items = new Dictionary<int, int>();
foreach (var number in chiTietDonHang)
{
    items.Add(number.MaSach, number.total.Value);
}
int index = chiTietDonHang.Count - 1;
if (chiTietDonHang.Count > 5)
{
    while (index > chiTietDonHang.Count - 5)
    {
        var x = chiTietDonHang[index];
        sachbanchay.Add(saches.Find(n => n.MaSach == x.MaSach));
        index--;
    }
}
else if (chiTietDonHang.Count > 0)
{
    while (index >= 0)
    {
        var x = chiTietDonHang[index];
        sachbanchay.Add(saches.Find(n => n.MaSach == x.MaSach));
        index--;
    }
}

ViewBag.SachBanChay = sachbanchay;
ViewBag.ChiTietDonHang = items;
return View(sachbanchay);
}

```

### 3.44. Trang sản phẩm theo danh mục



Hình 19: Giao diện trang sản phẩm theo danh mục

Code xử lý:

```
public PartialViewResult ChuDePartial()
{
    return PartialView(db.ChuDes.Take(7).ToList());
}

public PartialViewResult Filter_CD()
{
    return PartialView(db.ChuDes.Take(7).ToList());
}

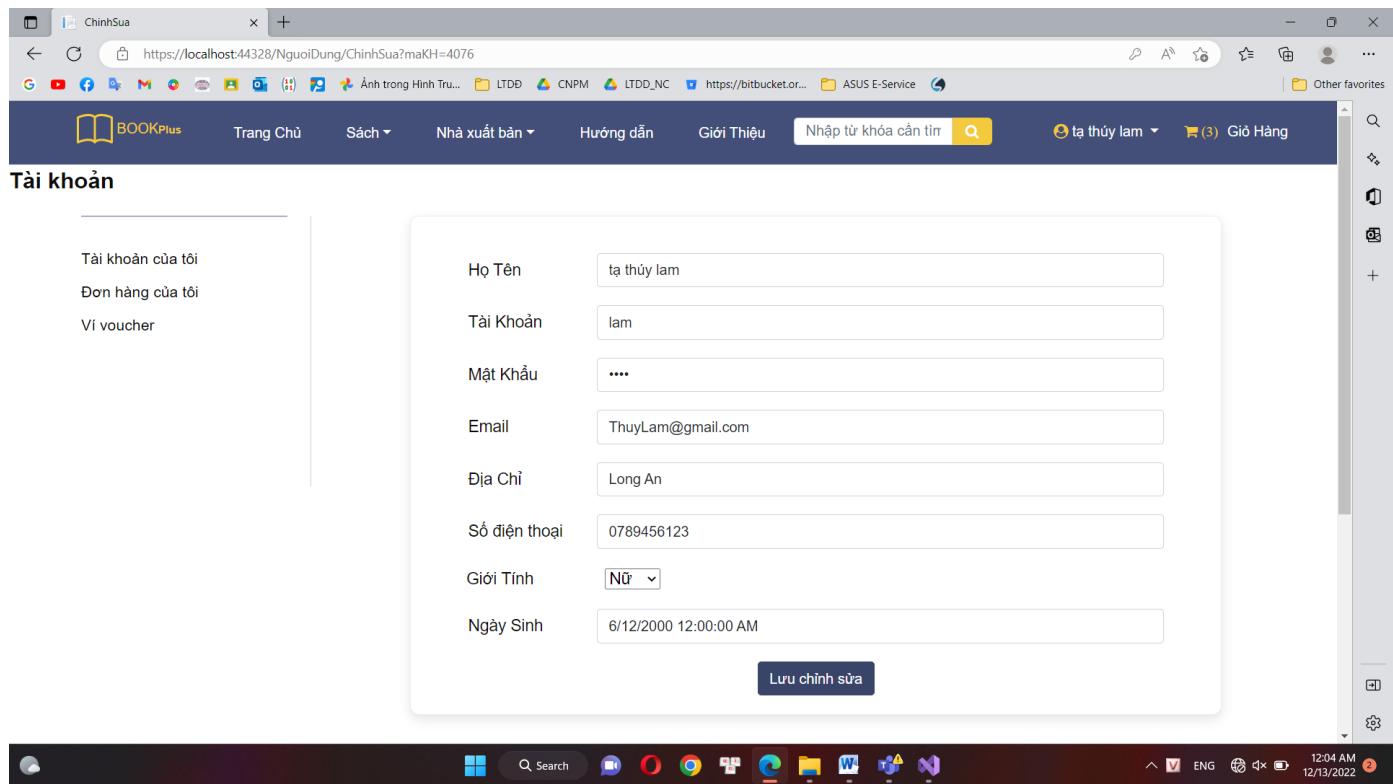
//Sachtheo chu de
public ViewResult SachTheoChuDe(int MaChuDe)
{
    //Kiem Tra ChuDe co ton ai khong
```

```
ChuDe chude = db.ChuDes.SingleOrDefault(n => n.MaChuDe == MaChuDe);
if (chude == null)
{
    Response.StatusCode = 404;
    return null;
}
List<Sach> listsach = db.Saches.Where(n => n.MaChuDe ==
MaChuDe).OrderBy(n=>n.GiaBan).ToList();
if (listsach.Count==0)
{
    ViewBag.Sach = "Khong co sach thuoc chu de nay";
}
if (listsach.Count > 0)
{
    ViewBag.LabelChuDe = chude.TenChuDe.ToString();
}
return View(listsach);

}

//HienThi tat ca chu de
public ViewResult DanhMucChuDe()
{
    return View(db.ChuDes.ToList());
}
```

### 3.45. Trang chỉnh sửa thông tin cá nhân



Hình 20: Giao diện trang cập nhật thông tin cá nhân

Code xử lý:

```
// GET: NguoiDung
public ActionResult Index()
{
    return View();
}

[HttpGet]
public ActionResult DangKy()
{
    return View();
}

[HttpPost]
[ValidateAntiForgeryToken]
public ActionResult DangKy(KhachHang kh)
{
}
```

```

if (ModelState.IsValid)
{
List<KhachHang> khachHangs = db.KhachHangs.Where(n =>
n.HoTen.Contains(kh.HoTen)).ToList();
if(khachHangs.Count==0)
{
// Chen du lieu vao bang khach hang
db.KhachHangs.Add(kh);
//Luu vao csdl
db.SaveChanges();
TempData["message"] = "Đăng ký thành công!!";
return RedirectToAction("DangNhap", "NguoiDung");
}
else
{
Response.Write("<script>alert('Tài khoản đã tồn tại!!!');</script>");
}

}
return View();
}

[HttpGet]
public ActionResult DangNhap()
{

return View();
}

[HttpPost]
public ActionResult DangNhap(FormCollection f)
{
string sTaikhoan = f["txtTaiKhoan"].ToString();
string sMatkhau = f.Get("txtMatKhau").ToString();
var kh = db.KhachHangs.SingleOrDefault(n => n.TaiKhoan == sTaikhoan && n.MatKhau ==
sMatkhau);

if (kh != null)
{
Session["name"] = kh.HoTen;
}
}

```

```

Session["TaiKhoan"] = kh;
return RedirectToAction("Index", "Home");
}
else
{
}

ViewBag.ThongBao = "Tên tài khoản hoặc mật khẩu không đúng";
return View();

}

//Chinh sua Profile
//[HttpGet, Authorize]
//DangXuat
public ActionResult DangXuat()
{
Session.Clear();
return RedirectToAction("Index", "Home");
}

//Tao Partial NguoiDung
public ActionResult KhachHangPartial()
{
return PartialView();
}

[HttpGet]
public ActionResult ChinhSua(int maKh)
{
KhachHang kh = db.KhachHangs.SingleOrDefault(n => n.MaKH == maKh);
if (kh == null)
{
Response.StatusCode = 404;
return null;
}
List<string> gt = new List<string>() { "Nam", "Nữ" };
ViewBag.GioiTinh = new SelectList(gt, kh.GioiTinh);
return View(kh);
}

```

```

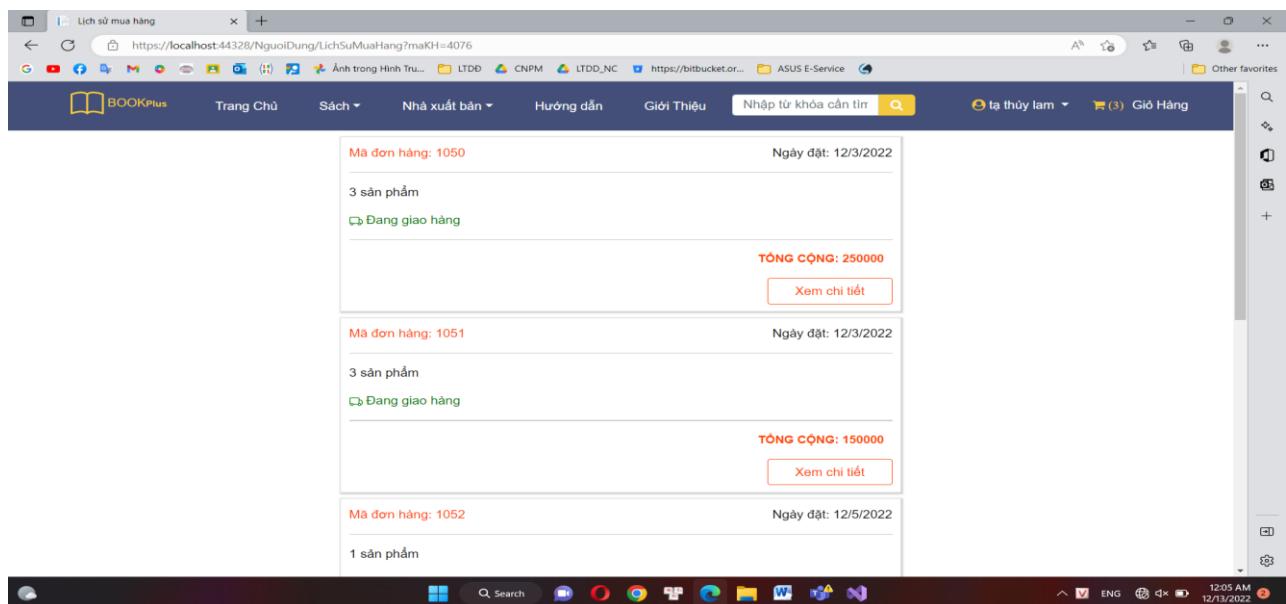
[HttpPost]
[ValidateAntiForgeryToken]
public ActionResult ChinhSua(KhachHang khachHang)
{
    if (ModelState.IsValid)
    {
        db.Entry(khachHang).State = EntityState.Modified;
        db.SaveChanges();
        var kh = db.KhachHangs.Find(khachHang.MaKH);
        Session["name"] = kh.HoTen;
        TempData["message"] = "Cập nhật thành công";

    }
    List<string> gt = new List<string>() { "Nam", "Nữ" };
    ViewBag.GioiTinh = new SelectList(gt, khachHang.GioiTinh);

    return View(khachHang);
}

```

### 3.46. Trang hiển thị lịch sử mua hàng



Hình 21: Giao diện trang lịch sử mua hàng

Code xử lý:

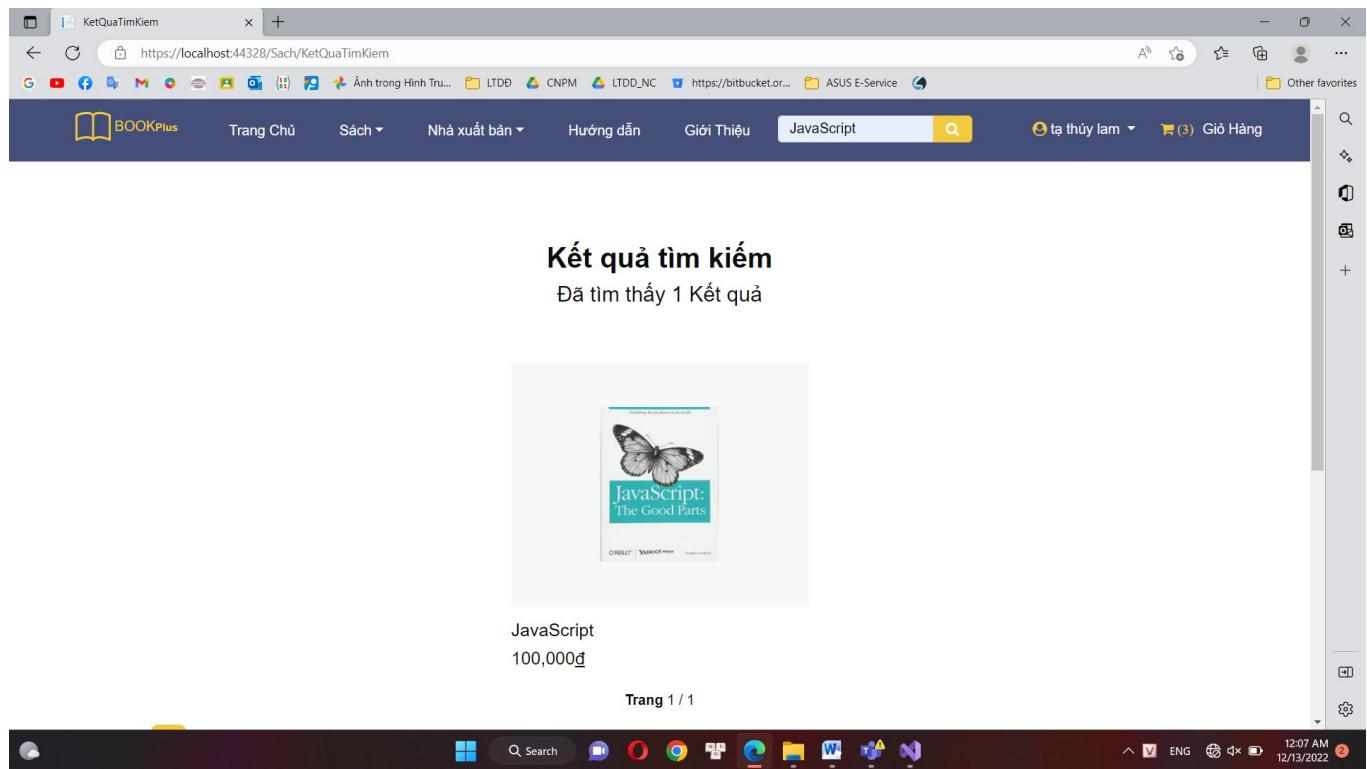
```
public ActionResult LichSuMuaHang(int? maKH)
{
    List<DonHang> donHangs = db.DonHangs.Where(n => n.MaKH == maKH).ToList();
    if (donHangs.Count < 0)
    {
        donHangs = new List<DonHang>();
    }
    return View(donHangs);
}

public ActionResult HuyDon(int? maDH)
{
    DonHang donHang = db.DonHangs.SingleOrDefault(n => n.MaDonHang == maDH);
    if (donHang == null)
    {
        Response.StatusCode = 404;
        return null;
    }
    else if(donHang.TinhTrangGiaoHang == 1)
    {
        ViewBag.ThongBao = "Bạn không thể hủy khi đơn hàng đang giao!!!";
    }
    else
    {
        donHang.TinhTrangGiaoHang = -2;
        db.Entry(donHang);
        db.SaveChanges();
    }
}

return RedirectToAction("LichSuMuaHang", "NguoiDung", new { @maKH=donHang.MaKH});
}

public ActionResult Voucher()
{
    return View(db.VOUCHERS.ToList());
}
```

### 3.47. Trang tìm kiếm theo tên sản phẩm



Hình 22: Giao diện trang tìm kiếm cuốn sách

Code xử lý:

```
//Timkiem
[HttpPost]
public ActionResult KetQuaTimKiem/FormCollection f, int? page)
{
    string sTuKhoa = f["txtTimKiem"].ToString();
    ViewBag.STuKhoa = sTuKhoa;
    List<Sach> kqtk = db.Saches.Where(n => n.TenSach.Contains(sTuKhoa)).ToList();
    //Phan Trang
    int pageNumber = (page ?? 1);

    int pageSize = 16;

    if (kqtk.Count==0)
    {
```

```

        Response.Write("<script>alert('Không tìm thấy sách! Quay về trang  

        sách');window.location = 'Tatca';</script>"); //works great

    }

ViewBag.ThongBao = "Đã tìm thấy " + kqtk.Count + " Kết quả";

return View(kqtk.OrderBy(n => n.TenSach).ToPagedList(pageNumber, pageSize)); ;
}

[HttpGet]
public ActionResult KetQuaTimKiem(string sTuKhoa, int? page)
{
    ViewBag.STuKhoa = sTuKhoa;
    List<Sach> kqtk = db.Saches.Where(n => n.TenSach.Contains(sTuKhoa)).ToList();
    //Phan Trang

    int pageNumber = (page ?? 1) ;
    int pageSize = 16;
    if (kqtk.Count == 0)
    {
        Response.Write("<script>alert('Đã thêm sách vào giỏ hàng');window.location =  

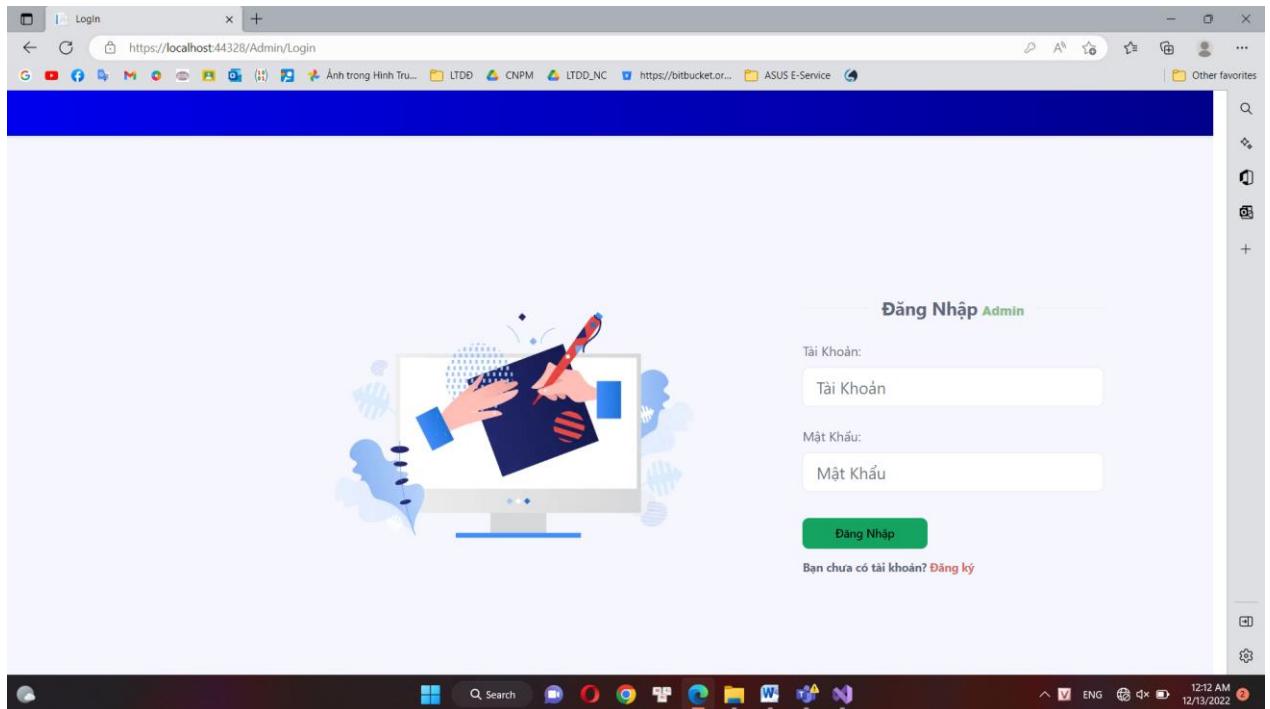
        'Tatca';</script>"); //works great
    }

    ViewBag.ThongBao = "Đã tìm thấy " + kqtk.Count + " Kết quả";

    return View(kqtk.OrderBy(n => n.TenSach).ToPagedList(pageNumber, pageSize));
}

```

### 3.48. Trang đăng nhập dành cho admin



Hình 23: Giao diện trang đăng nhập (Admin)

Code xử lý:

```
[HttpGet]
public ActionResult LogIn()
{
    return View();
}

[HttpPost]

public ActionResult LogIn(FormCollection f)
{
    string sTaikhoan = f["txtTaiKhoan"].ToString();
    string sMatkhau = f.Get("txtMatKhau").ToString();
    Admin ad = db.Admins.SingleOrDefault(n => n.TaiKhoan == sTaikhoan && n.MatKhau == sMatkhau);

    if (ad != null)
```

```
{  
Session["adName"] = ad.TaiKhoan;  
Session["AdTaiKhoan"] = ad;  
Response.Write("<script>alert('Bạn đã đăng nhập!')</script>");  
return RedirectToAction("Index", "Product");  
}  
  
else  
{  
Response.Write("<script>alert('Đăng Nhập Thất Bại! Tài khoản hoặc mật khẩu không  
chính xác')</script>"); //works great  
}  
  
return View();  
}
```

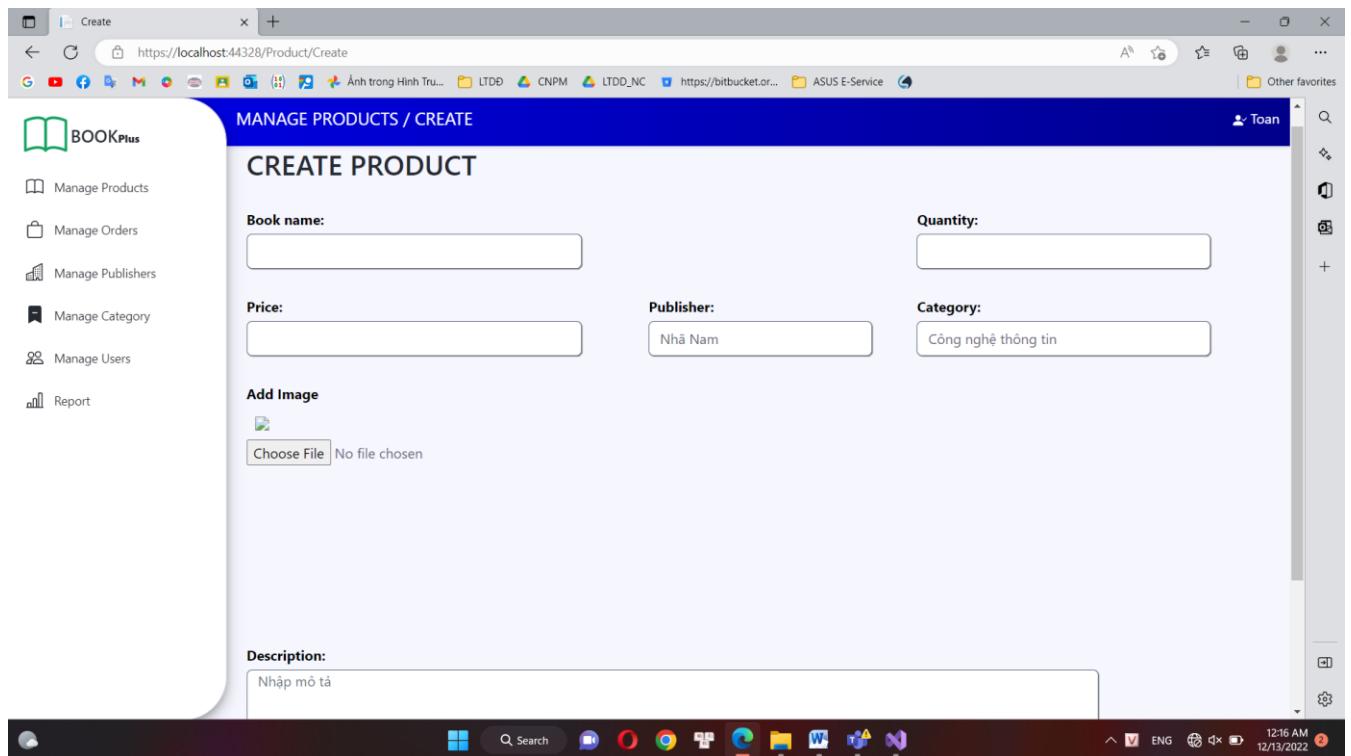
## Trang quản lý sản phẩm

ID	Name	Price	Date Update	Quantity	Publisher	Category	Action
8	Phía nam biên giới phía tây mặt trời	300,000đ	2022/12/05 15:06:21 PM	8	Alpha Book	Công nghệ thông tin	
9	Súng, Ví trung và Thép	500,000đ	2022/05/25 4:00:40 AM	99	Happy Live	Xã hội	
11	The Shining	256,000đ	2022/04/25 5:55:30 AM	131	Nhã Nam	Văn học nước ngoài	
13	Payback Time	290,000đ	2022/05/15 19:45:00 PM	110	Happy Live	Đầu tư	
15	Những Nhà Khám Phá Lịch Sử Tri Kiến Vạn Vật Và Con	150,000đ	2022/06/03 9:05:55 AM	46	Nhã Nam	Khoa học	
18	Tư duy nhanh và chậm	269,000đ	2022/05/19 16:09:30 PM	112	Thế giới	Sách học làm người	
21	Phía sau cuộc chiến	165,000đ	2022/05/12	160	NIVP TRÀ	Yoga	

Hình 24: Giao diện quản lý sản phẩm

```
public ActionResult Index(int? page)
{
    //Kiem tra Dang Nhap
    if (Session["AdTaiKhoan"] == null || Session["AdTaiKhoan"].ToString() == "")
    {
        Response.Write("<script>alert('Bạn cần đăng nhập vào tài khoản Admin');window.location.pathname = '/Admin/Login';</script>"); //works great
    }
    int pageNumber = (page ?? 1);
    int pageSize = 10;
    ViewBag.Lable = "MANAGE PRODUCTS";
    ViewBag.Count = db.Saches.ToList().Count() + " Records Found";
    return View(db.Saches.Where(n => n.Moi == 1).ToList().OrderBy(n => n.MaSach).ToPagedList(pageNumber, pageSize));
}
```

### 3.49. Trang thêm sản phẩm



Hình 25: Giao diện thêm sản phẩm mới

```
// GET: Product/Create
public ActionResult Create()
{
    ViewBag.Lable = "MANAGE PRODUCTS / CREATE";
    ViewBag.MaChuDe = new SelectList(db.ChuDes, "MaChuDe", "TenChuDe");
    ViewBag.MaNXB = new SelectList(db.NhaXuatBans, "MaNXB", "TenNXB");
    return View();
}

// POST: Product/Create
// To protect from overposting attacks, enable the specific properties you want to
bind to, for
// more details see https://go.microsoft.com/fwlink/?LinkId=317598.
[HttpPost]
[ValidateInput(false)]
public ActionResult Create(Sach sach)
{
```

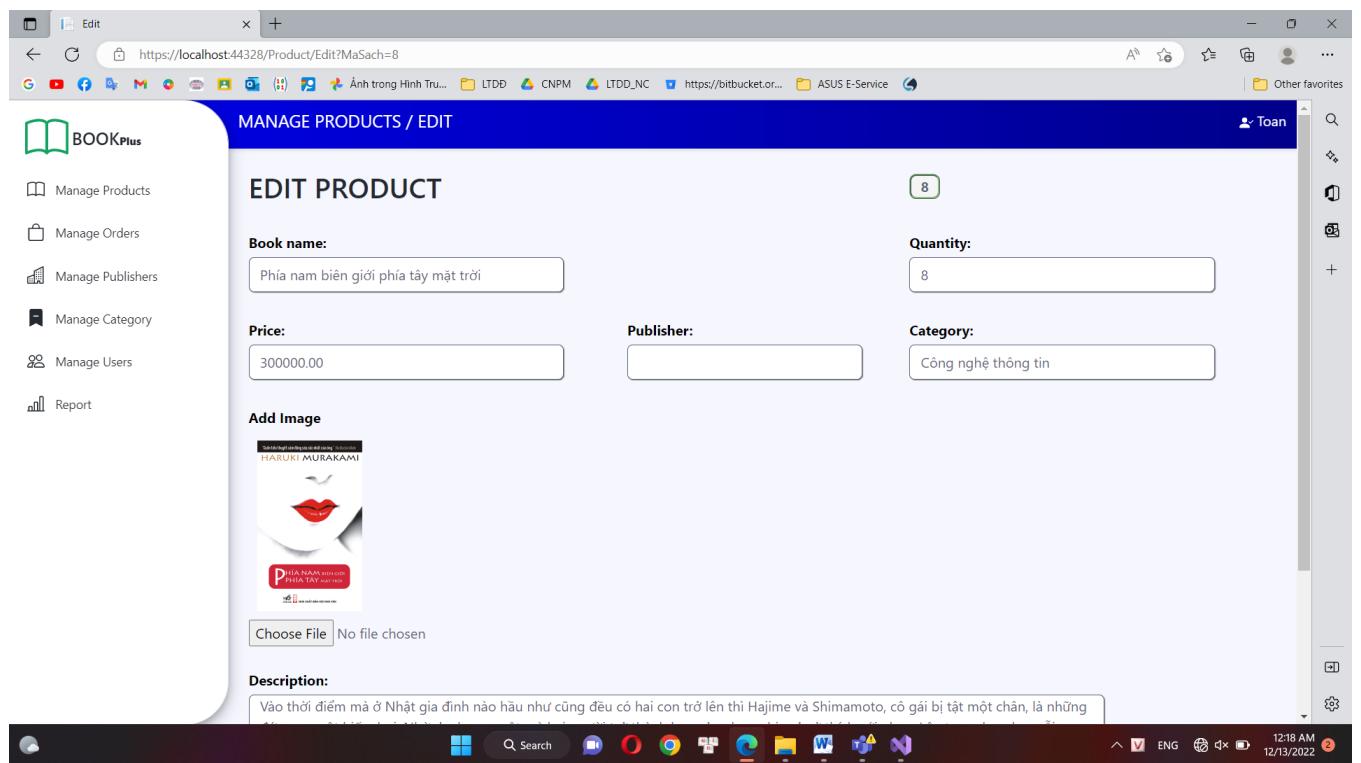
```

//Dua data vao dropdownlist
ViewBag.MaChuDe = new SelectList(db.ChuDes.ToList().OrderBy(n => n.TenChuDe),
"MaChuDe", "TenChuDe");
ViewBag.MaNXB = new SelectList(db.NhaXuatBans.ToList().OrderBy(n => n.TenNXB),
"MaNXB", "TenNXB");

//Kiểm tra dữ liệu
if (sach.TenSach == "" || sach.SoLuongTon == null || sach.GiaBan == null)
{
    TempData["unsuccess"] = "Error!!!";
    return View();
}
else if(sach.AnhBia==null)
{
    TempData["unsuccess"] = "Error!!!";
    return View();
}
else
{
    //Them vao database
    sach.NgayCapNhap = DateTime.Now;
    sach.Moi = 1;
    db.Saches.Add(sach);
    db.SaveChanges();
    TempData["success"] = "Created Sucessfully!!!";
    return RedirectToAction("Index");
}
}

```

### 3.50. Trang chỉnh sửa sản phẩm



Hình 26: Giao diện chỉnh sửa sản phẩm

```
// GET: Product/Edit/5
public ActionResult Edit(int? MaSach)
{
    //Lay doi tuong sach theo ma
    Sach sach = db.Saches.SingleOrDefault(n => n.MaSach == MaSach);
    if (sach == null)
    {
        Response.StatusCode = 404;
        return null;
    }
    //Dua data vao dropdownlist
    ViewBag.MaChuDe = new SelectList(db.ChuDes.ToList().OrderBy(n => n.TenChuDe),
    "MaChuDe", "TenChuDe", sach.MaChuDe);
    ViewBag.MaNXB = new SelectList(db.NhaXuatBans.ToList().OrderBy(n => n.TenNXB),
    "MaNXB", "TenNXB", sach.MaNXB);
    ViewBag.Lable = "MANAGE PRODUCTS / EDIT";
```

```

    return View(sach);
}

// POST: Product/Edit/5
// To protect from overposting attacks, enable the specific properties you want to
bind to, for
// more details see https://go.microsoft.com/fwlink/?LinkId=317598.
[HttpPost]
[ValidateInput(false)]
public ActionResult Edit(Sach sach)
{
    //Them vao database
    if (ModelState.IsValid)
    {
        //Thuc hien cap nhap trong model
        sach.Moi = 1;
        db.Entry(sach).State = System.Data.Entity.EntityState.Modified;
        db.SaveChanges();

    }
    //Dua data vao dropdownlist
    ViewBag.MaChuDe = new SelectList(db.ChuDes.ToList().OrderBy(n => n.TenChuDe),
    "MaChuDe", "TenChuDe", sach.MaChuDe);
    ViewBag.MaNXB = new SelectList(db.NhaXuatBans.ToList().OrderBy(n => n.TenNXB),
    "MaNXB", "TenNXB", sach.MaNXB);
    Response.Write("<script>alert('Đã lưu chỉnh sửa của bạn ')</script>"); //works
    great
    return RedirectToAction("Index");
}

```

### 3.51. Trang quản lý đơn hàng

The screenshot shows a web-based order management system. On the left is a sidebar with navigation links: Manage Products, Manage Orders, Manage Publishers, Manage Category, Manage Users, and Report. The main area has a header with filter buttons: All, Unfinished (1), Shipping (3), Wait for cancel (0), Canceled, and Finished. Below is a search bar with fields for 'Tim mã đơn hàng...' and date ranges, followed by a 'Lọc' button and a '+ Add' button. A table lists 8 orders:

ID	Khách hàng	Ngày đặt	Tổng tiền	Tình trạng đơn hàng
1047	Tạ Thúy Lam	2022/12/03 2:00:37 AM	250000	Đã hoàn thành
1048	Trần Thị Anh	2022/12/03 2:02:26 AM	250000	Đã hủy
1049	Trần Kim	2022/12/03 2:04:06 AM	75000	Đang giao hàng
1050	tạ thuy lam	2022/12/03 2:19:45 AM	250000	Đang giao hàng
1051	tạ thuy lam	2022/12/03 2:54:19 AM	150000	Đang giao hàng
1052	tạ thuy lam	2022/12/05 11:04:19 AM	75000	Đã hủy
1053	tạ thuy lam	2022/12/08 10:58:00 AM	250000	Đang soạn đơn

Hình 27: Giao diện quản lý đơn hàng

```
public ActionResult Index(int? tt)
{
    //Kiem tra Dang Nhap
    List<DonHang> ds = new List<DonHang>();

    if (Session["AdTaiKhoan"] == null || Session["AdTaiKhoan"].ToString() == "")
    {
        Response.Write("<script>alert('Bạn cần đăng nhập vào tài khoản Admin');window.location = 'Admin/Login';</script>"); //works great
    }

    // Lọc kết quả
    // var idTrangThai = tt;
    if (tt == null)
    {
        ds = db.DonHangs.ToList();
```

```

    }

else
{
    ds = db.DonHangs.Where(n => n.TinhTrangGiaoHang == tt).ToList();
}

ViewBag.UnPrepared = db.DonHangs.Where(n => n.TinhTrangGiaoHang ==
0).ToList().Count();
ViewBag.UnShipping = db.DonHangs.Where(n => n.TinhTrangGiaoHang ==
1).ToList().Count();
ViewBag.UnCancel = db.DonHangs.Where(n => n.TinhTrangGiaoHang == -
1).ToList().Count();
return View(ds.OrderBy(n => n.MaDonHang).ToList());
}

```

### 3.52. Trang xem chi tiết thông tin đơn hàng

The screenshot shows a web application interface for managing book orders. On the left is a sidebar with navigation links: Manage Products, Manage Orders, Manage Publishers, Manage Category, Manage Users, and Report. The main content area is titled "Thông tin đơn hàng" (Order Information) for Order ID 1053. It shows the order date as 12/8/2022 10:58:00 AM, the status as "Đang soạn đơn" (Preparing), and the user type as "Khách hàng" (Customer). Below this, there's a section for "Thông tin khách hàng" (Customer Information) with fields for Name (tạ thủy lam), Address (Long An), and Phone (0789456123). At the bottom, there's a table titled "Danh sách sản phẩm" (List of Products) showing one item: "Clean Code" with 1 unit, a price of 250000 đ, and a total of 250000 đ. At the bottom right are buttons for "Back", "Cancel Order", and "Prepared".

Hình 28: Giao diện xem chi tiết đơn hàng

```

// GET: Order/Edit/5
public ActionResult Edit(int? id)

```

```

{
if (id == null)
{
return new HttpStatusCodeResult(HttpStatusCode.BadRequest);
}
DonHang donHang = db.DonHangs.Find(id);
if (donHang == null)
{
return HttpNotFound();
}
ViewBag.MaKH = new SelectList(db.KhachHangs, "MaKH", "HoTen", donHang.MaKH);
return View(donHang);
}

// POST: Order/Edit/5
// To protect from overposting attacks, enable the specific properties you want to
bind to, for
// more details see https://go.microsoft.com/fwlink/?LinkId=317598.
[HttpPost]
[ValidateAntiForgeryToken]
public ActionResult Edit([Bind(Include =
"MaDonHang,DaThanhToan,TinhTrangGiaoHang,NgayDat,NgayGiao,MaKH")] DonHang donHang)
{
if (ModelState.IsValid)
{
db.Entry(donHang).State = EntityState.Modified;
db.SaveChanges();
return RedirectToAction("Index");
}
ViewBag.MaKH = new SelectList(db.KhachHangs, "MaKH", "HoTen", donHang.MaKH);
return View(donHang);
}

```

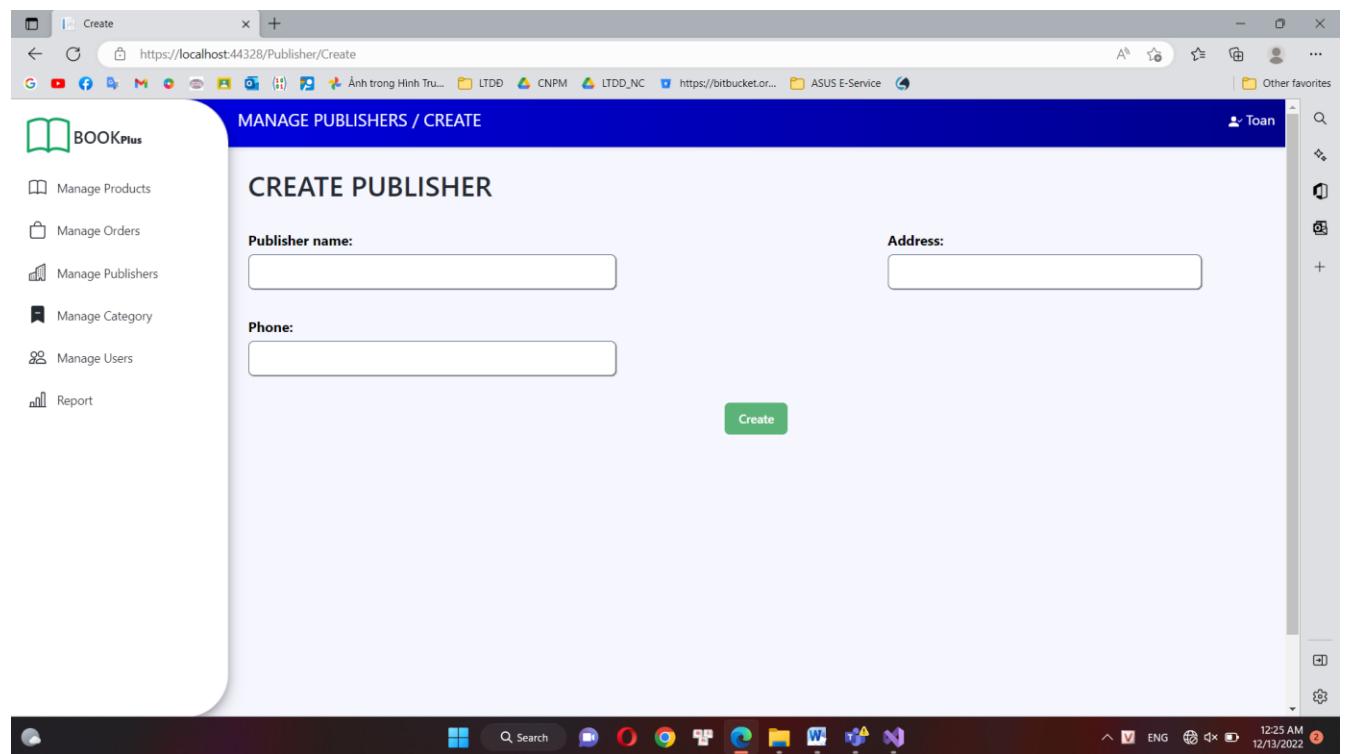
### 3.53. Trang quản lý nhà xuất bản

ID	Name	Address	Phone	Action
1	Nhà Nam	Tp HCM	0972814	
2	NXB Dân Trí	HCM	0972012	
3	NXB Trẻ	HCM	0981812	
4	Happy Live	HCM	072812	
6	Thế giới	HCM	0981412	
8	Alpha Book	Long An	0123456789	
9				

Hình 29: Giao diện quản lý nhà xuất bản

```
public ActionResult Index(int? page)
{
    //Kiem tra Dang Nhap
    if (Session["AdTaiKhoan"] == null || Session["AdTaiKhoan"].ToString() == "")
    {
        Response.Write("<script>alert('Bạn cần đăng nhập vào tài khoản Admin');window.location.pathname = '/Admin/Login';</script>"); //works great
    }
    int pageNumber = (page ?? 1);
    int pageSize = 10;
    ViewBag.Lable = "MANAGE PUBLISHER";
    ViewBag.Count = db.NhaXuatBans.ToList().Count() + " Records Found";
    return View(db.NhaXuatBans.ToList().OrderBy(n => n.MaNxb).ToPagedList(pageNumber,
    pageSize));
}
```

### 3.54. Trang thêm nhà xuất bản



Hình 30: Giao diện thêm nhà xuất bản

```
// GET: Product/Create
public ActionResult Create()
{
    ViewBag.Label = "MANAGE PUBLISHERS / CREATE";
    return View();
}

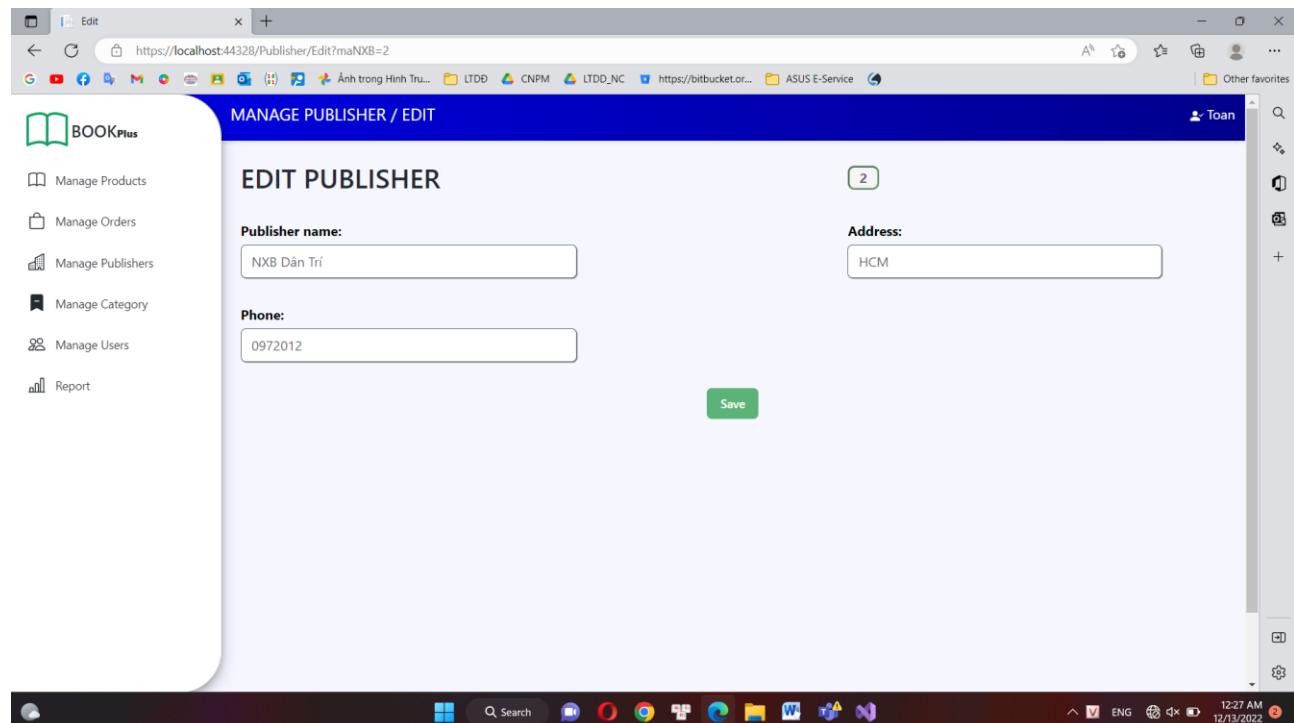
// POST: Publisher/Create
// To protect from overposting attacks, enable the specific properties you want to
bind to, for
// more details see https://go.microsoft.com/fwlink/?LinkId=317598.
[HttpPost]
[ValidateInput(false)]
public ActionResult Create(NhaXuatBan nha)
{
    //Them vao database
}
```

```

if (ModelState.IsValid)
{
    db.NhaXuatBans.Add(nha);
    db.SaveChanges();
    Response.Write("<script>alert('Created Successfully!')</script>");
}
return RedirectToAction("Index");

```

### 3.55. Trang chỉnh sửa nhà xuất bản



Hình 31: Giao diện chỉnh sửa nhà xuất bản

```

// GET: Publisher/Edit/5

public ActionResult Edit(int? maNXB)
{
    //Lay doi tuong sach theo ma
    NhaXuatBan nhaXuatBan = db.NhaXuatBans.SingleOrDefault(n => n.MaNXB == maNXB);
    if (nhaXuatBan == null)
    {
        Response.StatusCode = 404;
        return null;
    }
}

```

```
ViewBag.Label = "MANAGE PUBLISHER / EDIT";
return View(nhaXuatBan);
}

// POST: Publisher/Edit/5
// To protect from overposting attacks, enable the specific properties you want to
bind to, for
// more details see https://go.microsoft.com/fwlink/?LinkId=317598.
[HttpPost]
[ValidateInput(false)]
public ActionResult Edit(NhaXuatBan nha)
{
//Them vao database
if (ModelState.IsValid)
{
db.Entry(nha).State = System.Data.Entity.EntityState.Modified;
db.SaveChanges();

}
Response.Write("<script>alert('Đã lưu chỉnh sửa của bạn ');$</script>"); //works
great
return RedirectToAction("Index");
}
```

### 3.56. Trang quản lý chủ đề

ID	Name	Action
2	Công nghệ thông tin	[checkbox] [edit]
3	Khoa học	[checkbox] [edit]
4	Xã hội	[checkbox] [edit]
5	Ngoại ngữ	[checkbox] [edit]
6	Văn học nước ngoài	[checkbox] [edit]
7	Sách học làm người	[checkbox] [edit]
8	Đầu tư	[checkbox] [edit]
9	Văn học Việt Nam	[checkbox] [edit]

Hình 32: Giao diện quản lý chủ đề

```
public ActionResult Index(int? page)
{
    //Kiem tra Dang Nhap
    if (Session["AdTaiKhoan"] == null || Session["AdTaiKhoan"].ToString() == "")
    {
        Response.Write("<script>alert('Bạn cần đăng nhập vào tài khoản Admin');window.location.pathname = '/Admin/Login';</script>"); //works great
    }
    int pageNumber = (page ?? 1);
    int pageSize = 10;
    ViewBag.Lable = "MANAGE CATEGORY";
    ViewBag.Count = db.ChuDes.ToList().Count() + " Records Found";
    return View(db.ChuDes.ToList().OrderBy(n => n.MaChuDe).ToPagedList(pageNumber,
    pageSize));
}
```

### 3.57. Trang quản lý người dùng

ID	FullName	UserName	Date	Gender	Address	Email	Edit Delete
4053	hello	tsidnell1	1/1/1900 12:00:00 AM	Nam	94340 Oakridge Pass	tsidnell1@canalblog.com	<input checked="" type="checkbox"/>   <input type="checkbox"/>
4054	Essa Mountstephen	emountstephen0	8/12/2000 12:00:00 AM	Nam	1238 Colorado Pass	emountstephen0@printfriendly.com	<input checked="" type="checkbox"/>   <input type="checkbox"/>
4055	Muffin Hanshaw	mhanshaw1	5/6/1999 12:00:00 AM	Nữ	3 Forest Dale Center	mhanshaw1@ed.gov	<input checked="" type="checkbox"/>   <input type="checkbox"/>
4056	Brannon Verrill	bverrill2	4/30/2001 12:00:00 AM	Nữ	2 Tony Place	bverrill2@redcross.org	<input checked="" type="checkbox"/>   <input type="checkbox"/>

Hình 33: Giao diện quản lý người dùng

```
public ActionResult LoyalCustomer(int? page)
{
    //Kiem tra Dang Nhap
    if (Session["AdTaiKhoan"] == null || Session["AdTaiKhoan"].ToString() == "")
    {
        Response.Write("<script>alert('Bạn cần đăng nhập vào tài khoản  
Admin');window.location.pathname = '/Admin/Login';</script>"); //works great
    }
    int pageNumber = (page ?? 1);
    int pageSize = 10;
    ViewBag.Lable = "MANAGE USERS / LOYAL CUSTOMERS";
    ViewBag.Count = db.KhachHangs.ToList().Count() + " Records Found";
    return View(db.KhachHangs.ToList().OrderBy(n => n.MaKH).ToPagedList(pageNumber,
    pageSize));
}

public ActionResult Admin(int? page)
```

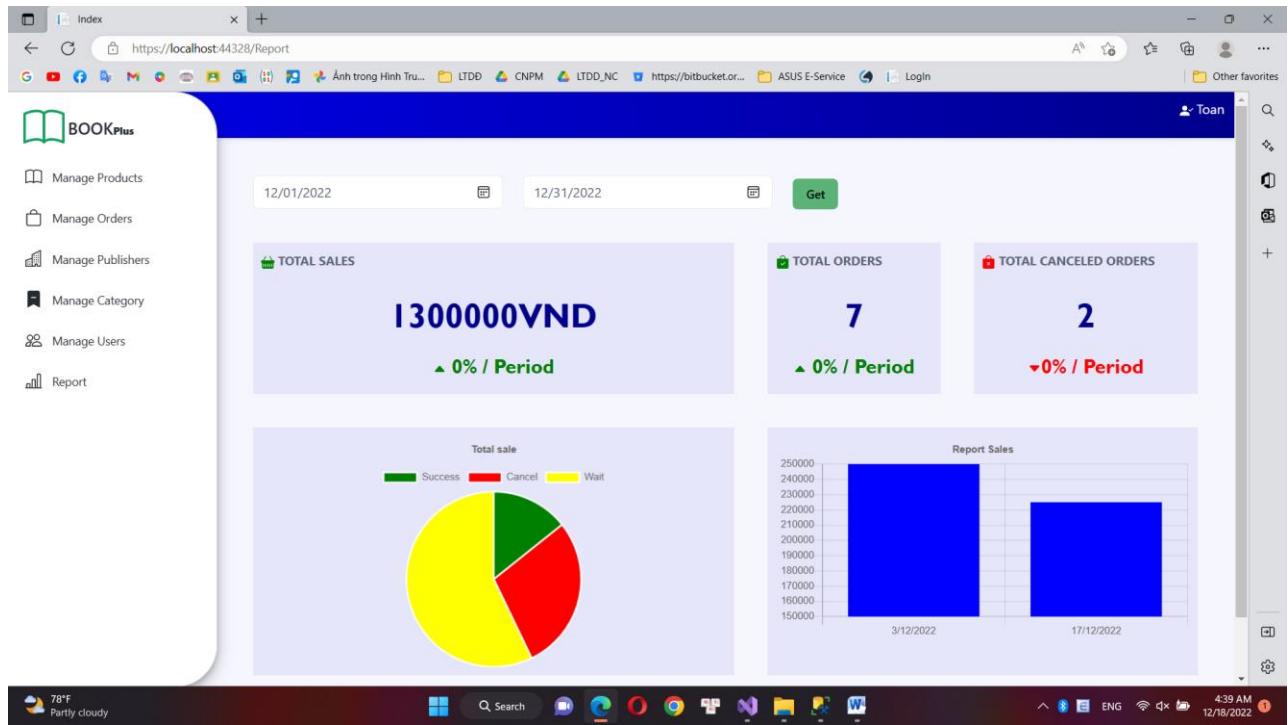
```

{
//Kiểm tra Đăng Nhập
if (Session["AdTaiKhoan"] == null || Session["AdTaiKhoan"].ToString() == "")
{
Response.Write("<script>alert('Bạn cần đăng nhập vào tài khoản Admin');window.location.pathname = '/Admin/Login';</script>"); //works great
}
int pageNumber = (page ?? 1);
int pageSize = 10;
ViewBag.Lable = "MANAGE USERS / ADMINISTRATORS";
ViewBag.Count = db.Admins.ToList().Count() + " Records Found";
return View(db.Admins.ToList().OrderBy(n => n.MaAD).ToPagedList(pageNumber,
pageSize));
}

public ActionResult VisitorCustomer(int? page)
{
//Kiểm tra Đăng Nhập
if (Session["AdTaiKhoan"] == null || Session["AdTaiKhoan"].ToString() == "")
{
Response.Write("<script>alert('Bạn cần đăng nhập vào tài khoản Admin');window.location.pathname = '/Admin/Login';</script>"); //works great
}
int pageNumber = (page ?? 1);
int pageSize = 10;
ViewBag.Lable = "MANAGE USERS / NORMAL CUSTOMERS";
ViewBag.Count = db.DonHangs.Where(n=>n.MaKH==null).ToList().Count() + " Records Found";
return View(db.DonHangs.Where(n => n.MaKH == null).ToList().ToPagedList(pageNumber,
pageSize));
}

```

### 3.58. Trang thống kê



Hình 3: Giao diện quản lý thống kê, báo cáo

```
// GET: Report
public ActionResult Index()
{
    DateTime from = new DateTime( DateTime.Now.Year, DateTime.Now.Month, 01 );
    DateTime to = new DateTime( DateTime.Now.Year, DateTime.Now.Month,
        LaySoNgay(DateTime.Now.Month, DateTime.Now.Year));
    List<DonHang> ds_donHangs = new List<DonHang>();
    ds = db.DonHangs.ToList();
    foreach (DonHang a in ds)
    {
        if (a.NgayDat >= from && a.NgayDat <= to)
        {
            donHangs.Add(a);
        }
    }
    ViewBag.DateFrom = from;
    ViewBag.DateTo = to;
    return View(donHangs);
}
```

```

}

public ActionResult Report(DateTime from, DateTime to)
{
    List<DonHang> ds, donHangs = new List<DonHang>();
    ds = db.DonHangs.ToList();
    foreach (DonHang a in ds)
    {
        if (a.NgayDat >= from && a.NgayDat <= to)
        {
            donHangs.Add(a);
        }
    }
    ViewBag.DateFrom = from;
    ViewBag.DateTo = to;
    return View(donHangs);
}

public int LaySoNgay(int thang, int nam)
{
    while (nam < 0 || thang < 0) ;//neu Nam, tháng < 0 yeu cau nhap lai
    switch (thang)
    {
        // thang 1, 3, 5, 6, 8, 10 , 12 có 31 ngay
        case 1:
        case 3:
        case 5:
        case 7:
        case 8:
        case 10:
        case 12:
            return 31;
        // thang 4, 6, 9, 11 có 30 ngay
        case 4:
        case 6:
        case 9:
        case 11:
            return 30;
        // thang 2 có 28 ngay neu nam nhuan co 29 ngay
    }
}

```

```
case 2:  
if ((nam % 4 == 0 && nam % 100 != 0) || (nam % 400 == 0))//kiem tra nam nhuan  
{  
return 29;  
}  
else  
{  
return 28;  
}  
default:  
return 0;  
}  
}
```

## **5. Tổng kết:**

### **5.1. Các chức năng đã hoàn thành:**

- Admin
  - Quản lý hàng hóa
    - + Đặt hàng thành công thì số lượng hàng hóa bị trừ
    - + Hủy đơn hàng thì số lượng được cộng lên
    - + Kiểm soát việc được phép hiển thị hay không hiển thị hàng hóa trên
    - + Thêm được người dùng mới
    - + Cập nhật thông tin người dùng
  - Xử lý đơn hàng
    - + Xem tất cả đơn hàng (từ ngày....đến ngày....)
    - + Duyệt đơn hàng (từ ngày....đến ngày....)
    - + Xác nhận giao
    - + Hủy đơn
  - Thống kê doanh thu
    - + Thống kê doanh thu (từ ngày ...đến ngày)
    - + Thống kê đơn hàng (từ ngày ...đến ngày)
- Khách hàng vãng lai, khách hàng thân thiết
  - Trang chủ - Khách hàng vãng lai – khách hàng thân thiết
    - + Hiển thị sản phẩm theo các tùy chọn (danh mục, loại,...)
    - + Xem chi tiết sản phẩm
    - + Tìm kiếm, tìm kiếm nâng cao
    - + Thêm nhiều loại sản phẩm vào giỏ
    - + Đặt hàng
    - + Tìm kiếm sản phẩm - tìm kiếm nâng
    - + Theo dõi đơn hàng (số điện thoại hoặc mã đơn hàng)
  - Khách hàng thân thiết – thêm các tính năng

- + Nhận ưu đãi
- + Cập nhật thông tin khách hàng
- + Xem lịch sử mua hàng

## 5.2. Các chức năng có thể phát triển:

- Chăm sóc khách hàng
  - + Quản lý hỏi đáp khách hàng
  - + Quản lý đánh giá sản phẩm của khách hàng
  - + Quản lý bảo hành sản phẩm cho khách hàng
- Trang chủ - Khách hàng vãng lai – khách hàng thân thiết
  - + Mục hỏi đáp sản phẩm
  - + Chát trực tuyến

### 5.3. Bảng phân công:

Tên thành viên	Công việc thực hiện	Mức độ đóng góp
Cao Nhật Toàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng giao diện và chức năng bên client và admin</li> <li>- Mô tả Use Cases</li> <li>- Xây dựng các bảng dữ liệu</li> </ul>	33%
Tạ Thúy Lam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng giao diện và chức năng bên admin</li> <li>- Thiết kế Use Cases</li> <li>- Thiết kế các Activity Diagram</li> </ul>	34%
Đoàn Ngọc Thanh Vy	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng giao diện và chức năng bên client</li> <li>- Thiết kế Use Cases</li> <li>- Thiết kế UX/UI</li> </ul>	33%